

HÒA THƯỢNG THÍCH THIÊN TÂM

**NIỆM PHẬT
SÁM PHÁP**

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

ĐỈNH LỄ

Mở đầu phương pháp sám hối Niệm Phật, đệ tử chúng con xin an trụ trong hồng danh A Mi Đà Phật, để vận dụng năng lực hộ niệm của mười phương chư Phật, vận dụng oai lực tuyệt đối, siêu việt và tối thắng của bản nguyện A Mi Đà mà quy y và đỉnh lễ hết thảy Tam Bảo.

Quy y tất cả Phật Đà khắp cả mười phương, cùng tận hư không giới.

Quy y tất cả Phật pháp khắp cả mười phương, cùng tận hư không giới.

Quy y tất cả Bồ Tát Thánh Hiền Tăng khắp cả mười phương, cùng tận hư không giới.

Nam mô Sa Bà giáo chủ, thiên bách ức hóa thân, Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, vị Bản Sư chỉ dạy pháp môn Niệm Phật.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Mi Đà Phật vị đạo sư tiếp dẫn vãng sinh Cực Lạc.

Nam mô Vô lượng Thọ kinh, Phật thuyết A Mi Đà kinh, Quán Vô Lượng Thọ kinh – ba bộ

kinh dạy chỉ rõ ràng pháp môn thành Phật dễ dàng, vắn tắt, nhiệm màu và rốt ráo, dành cho tất cả chúng sinh thời mạt pháp.

Nam-mô Tây Phương Cực Lạc thế giới vạn ức tử kim thân, đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ Tát.

Nam mô Tây phương Cực Lạc thế giới vô biên quang trí thân, đại hùng đại lực, Đại Thế Chí Bồ Tát.

Nam mô Tây phương Cực Lạc thế giới phúc trí nhị nghiêm thân, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.

Nam mô Lưu Sơn đạo tràng, khai sáng Niệm Phật pháp môn, sơ tổ Huệ Viễn Đại sư Bồ Tát.

Nam mô Quang Minh đạo tràng, hoằng dương Niệm Phật pháp môn, nhị tổ Thiện Đạo đại sư Bồ Tát.

Nam mô Hộ Giới Hộ Giáo Hộ Pháp Chư Tôn Bồ Tát, liệt vị Thiện Thần Bồ Tát Ma Ha Tát.

PHẨM THỨ NHẤT
NIỆM PHẬT PHẢI VÌ THOÁT
SINH TỬ LUÂN HỒI

Đức Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn vì thương xót tất cả chúng sinh mà hiện ra nơi đời ác trước, với bốn mươi chín năm thuyết pháp, mục đích mở bày và chỉ rõ tri kiến Phật cho chúng sinh và để rồi khiến cho chúng sinh tỏ ngộ và thể nhập vào tri kiến Phật, giáo nghĩa tuy nhiều hơn số cát sông Hằng, nhưng tất cả năm thừa tám giáo đều không ra ngoài pháp môn Niệm Phật.

Do bản nguyện lực của đức A Mi Đà, do năng lực hộ niệm của mười phương chư Phật, cùng với gia trì lực của chư vị Đại địa Bồ Tát; đệ tử chúng con được gặp duyên lành dẫn dắt vào chân lý tối thượng bằng cửa ngõ Niệm Phật. Như mùa hạ thì phải mặc áo vải, như mùa đông phải mặc áo bông, sự tu hành cũng thế, nghĩa là không thể trái với thời tiết và cơ duyên được. Dù đức Đạt Ma tổ sư tái hiện ngay lúc này, nếu muốn hợp thời cơ để cứu độ chúng sinh mau được giải thoát, thì cũng

không có pháp nào hơn pháp môn Niệm Phật cả. Vì thế cho nên thuyết pháp mà không phù hợp với căn cơ và trình độ, thì chắc chắn chúng sinh bị chìm trôi trong biển khổ vậy.

Đệ tử chúng con vốn là phàm phu vô trí, nên phải một mực y theo lời Phật dạy, chẳng dám tự chuyên, vì thế mà xưa nay chúng con đều chuyên niệm danh hiệu A-Mi-Đà-Phật.

Theo lời Phật dạy là thế nào?

Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn có lời huyền kí rằng: “Đời tương lai, kinh đạo diệt hết, ta dùng lòng từ bi thương xót riêng lưu trụ kinh này trong khoảng một trăm năm. Nếu có chúng sinh nào gặp được kinh này tùy ý sở nguyện đều được đắc độ”.

Nơi kinh Đại Tập, đức Thế Tôn dạy rằng: “Trong thời mạt pháp có ức ức người tu hành, mà ít có kẻ nào đắc đạo, chỉ nương nơi pháp môn Niệm Phật mà thoát luân hồi”.

Ngài Thiên Như thiên sư sau khi đắc đạo cũng đã khuyên dạy rằng: “Mạt pháp về sau, các

kinh diệt hết, chỉ còn lại bốn chữ A Mi Đà Phật để cứu độ chúng sinh. Nếu kẻ nào không tin, tất sẽ bị đọa địa ngục”.

Bởi vì đời mạt pháp về sau, khi các kinh đều ẩn diệt, chúng sinh căn cơ đã yếu kém, ngoài câu niệm Phật thì không biết pháp môn nào khác để tu trì. Nếu không tin câu niệm Phật mà tu hành, tất phải bị luân hồi. Và trong nẻo luân hồi thì việc lành khó tạo, còn điều ác thì dễ làm, cho nên sớm muộn gì cũng bị đọa địa ngục.

Ấn Quang pháp sư, một bậc cao tăng cận đại ở Trung Hoa cũng đã dạy rằng: “Thời mạt pháp đời nay, chúng sinh nghiệp nặng tâm tạp, nếu ngoài môn niệm Phật mà tu các nghiệp lành khác, nơi phần gieo trí tuệ phúc đức căn lành thì có, nhưng nơi phần liễu thoát luân hồi ngay trong hiện thế thì không. Tuy có một vài vị cao đức, hiện những kỳ tích phi thường, nhưng đó là những bậc Bồ Tát nương theo bản nguyện mà làm mô phạm để dẫn dắt chúng sinh đời mạt pháp như kinh Lăng Nghiêm đã nói. Nhưng các vị ấy cũng chỉ vừa theo trình độ chúng sinh mà

thị hiện ngộ đạo, chứ không phải chứng đạo. Chỉ riêng pháp môn Niệm Phật, tuy ít có người tu chứng được Niệm Phật tam muội như khi xưa, nhưng có thể nương theo nguyện lực của mình và bản nguyện của Phật A Mi Đà mà đời nghiệp vãng sinh về cõi Tây Phương Cực Lạc. Khi được về cõi ấy rồi thì không còn luân hồi, không còn bị thoái chuyển, lần lần tu tập cho đến khi chứng quả vị Vô Sinh”.

Những lời huyền kí như trên, cho chúng con thấy pháp môn Niệm Phật rất thích hợp với nhân duyên, thời tiết và trình độ căn cơ của chúng sinh đời nay. Vì thế đức Như Lai mới dùng nguyện lực bi mẫn, lưu trụ kinh Vô Lượng Thọ để khuyến hóa về môn Niệm Phật. Ngoài ra còn có chư Bồ Tát và Tổ sư cũng khởi lòng hoằng nguyện thương xót, tùy theo thời cơ mà chỉ dạy pháp môn Niệm Phật để cứu vớt chúng sinh.

Đệ tử chúng con vì vô minh khuất lấp, vì thiếu suy nghĩ chín chắn, vì tâm mong cầu quá sôi nổi và cạn cợt, vì dục vọng ngăn che, nên đã gây nhiều cái thấy biết lệch lạc và để rồi chúng

con đã hành trì pháp môn Niệm Phật không phù hợp với bản ý của đức Bản Sư và xa cách với bản nguyện cứu độ của đức A Mi Đà .

Đệ tử chúng con đi chùa thấy người khác niệm Phật, thì cũng bắt chước niệm theo, hoàn toàn không có chủ định.

Hoặc có người niệm Phật nguyện cho tai qua nạn khỏi và cầu cho gia đình bình yên, đời sống làm ăn mua bán ngày thêm thịnh vượng và sung túc.

Hoặc có kẻ gặp cảnh đời không vừa ý bèn sinh ra buồn rầu phẫn chí, nên đã niệm Phật cầu mong sao cho kiếp sau đừng gặp phải các cảnh ấy nữa, cũng như mong mọi việc đều thuận lợi nếp sống vinh hoa xinh tốt.

Lại có những người cảm thấy trần gian chẳng có điều gì hứng thú, dù cho giàu sang quyền quý cũng còn lo lắng khổ não, cho nên họ hi vọng dùng công đức niệm Phật để kiếp sau sinh lên cõi Trời, sống lâu, nhàn vui, tự tại.

Lại có những người nghĩ mình tội chương đã nhiều, trong một kiếp này để gì giải thoát, nên đã

niệm Phật cầu cho kiếp sau chuyển nữ thành nam, để xuất gia tu hành, làm bậc cao tăng ngộ đạo. Cũng có nhiều người nỗ lực niệm Phật để đàn áp vọng tưởng, và chế ngự phiền não, với mục đích gần gũi là thanh lọc tâm tư để đời sống được thanh tịnh.

Nếu niệm Phật với những thái độ và mục đích như vậy *đều là sai lầm*, vì lẽ trái nghịch với bản hoài của Phật Thích Ca và quay lưng trước bản nguyện tiếp độ của Phật A Mi Đà. Đây là một tội lỗi lớn lao nhất. Thật vậy, chúng con vẫn hiểu rằng *không có tội lỗi nào to lớn và nặng nề cho bằng cái tội hành trì trái nghịch với di huấn của đức Bản Sư, để rồi phụ rẫy công ơn tiếp độ của đức Từ Phụ A Mi Đà.*

Đệ tử chúng con ngày nay nhờ sự chiếu soi và dẫn dắt của ánh hào quang chư Phật, chúng con mới biết được tội lỗi của mình. Cho nên chúng con xin thành tâm cúi đầu gieo năm vốc sát đất, khẩn cầu sám hối:

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, vị Bản Sư chỉ dạy pháp môn Niệm Phật. (3 lạy)

*Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại
Từ Đại Bi A Mi Đà Phật, vị Đạo sư tiếp dẫn
vãng sinh Cực Lạc. (3 lạy)*

Như vậy, kể từ hôm nay, đệ tử chúng con
phải niệm Phật

đanh hiệu của ngài cầu về Cực Lạc, thì kẻ ấy khi mạng chung sẽ được tiếp dẫn vãng sinh Tây Phương và chứng lên ngôi Bất Thoái Chuyển”. Dem công đức vô lượng của sự niệm Phật mà để mong cầu những phúc lợi nhỏ nhen ở cõi người cõi trời, chứ không nguyện cầu vãng sinh và giải thoát thì có khác chi trẻ thơ đem hạt châu Ma-ni vô giá mà đổi lấy viên kẹo để ăn? Như thế thật là uổng phí và không xứng đáng chút nào.

Hơn hết, nguyện lực của Phật thì rất vĩ đại, cho nên người nào nghiệp chướng dù có nặng nề đến đâu chẳng nữa, mà đem cả tấm lòng chân thật để chuyên cần xưng niệm danh hiệu Phật thì ngay trong một đời này cũng được tiếp dẫn vãng sinh về thế giới Cực Lạc. Còn như mong cầu đời sau làm bậc cao tăng ngộ đạo, là một hành động thiếu trí tuệ và đức tin, làm sao bảo đảm bằng hiện đời sinh về Tây Phương thành bậc Bồ Tát ở ngôi Bất Thoái Chuyển? Cho nên, bản ý của đức Thế Tôn là muốn cho tất cả chúng sinh *niệm Phật để thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi*, và sự giải thoát ấy lại có thể thực hiện ngay trong cùng một kiếp sống.

Nhưng tại sao cần phải thoát vòng sống chết luân hồi?

Là vì ở trong nẻo luân hồi, đệ tử chúng con xác thật đã từng chịu nhiều nỗi thống khổ lớn lao. Nếu người học Phật mà không để cái tâm như thật quán sát nỗi thống khổ ấy thì cho dù học Phật nhiều đến đâu cũng không đạt được kết quả tốt, bởi vì không có cái tâm lo sợ, cái tâm mong cầu thoát ly khỏi những ảo ảnh cuộc đời. Kinh dạy: *nếu tâm lo sợ khó sinh, tất lòng phát thành khó phát*. Đức Thế Tôn khi xưa thuyết pháp Tứ Diệu Đế cho năm người nhóm ông Kiều Trần Như, trước tiên đã nói về Khổ đế, vẫn không ngoài cái ý này:

Trong Khổ đế, tức là ý nghĩa chân thật về sự khổ, đức Thế Tôn đã thuyết minh tám điều. Tuy nỗi khổ của kiếp người vô cùng vô tận, mà tám điều này vẫn giữ phần cương lĩnh. Đó là: nỗi khổ khi sinh ra, nỗi khổ khi về già, nỗi khổ trong con đau yếu, nỗi khổ quần quai khi sắp lâm chung, nỗi khổ chua xót khi xa cách người thân yêu, nỗi khổ khó nhằn khi chung đụng với kẻ mà mình

oán ghét, nổi khổ khi mong cầu không toại ý, và nổi khổ về năm ấm hừng thịnh.

Chúng sinh hết kiếp này sang kiếp khác cứ sống chết xoay vần, xuống lên trong sáu nẻo. Đó là cõi Trời cõi Người, cõi A Tu La, cõi Bàn sinh, cõi Ngạ quỷ và cõi Địa ngục. Bát khổ tuy ở các loài khác cũng có ít nhiều, nhưng nó là trọng tâm của nổi khổ ở cõi Người. Còn cõi Trời tuy vui sướng hơn nhân gian nhưng cũng còn có tướng ngũ suy và những điều bất như ý. Cõi A Tu La bị sự khổ vì gây gổ tranh đua, cõi Bàn sinh như loài trâu, bò, lừa, ngựa thì bị sự khổ chở kéo nặng nề; loài dê lợn vịt gà thì chịu sự khổ về banh da xẻ thịt. Các loài khác chịu sự khổ về ngu tối, như nhớp, ăn nuốt lẫn nhau. Ở cõi Ngạ quỷ thì chúng sinh có thân thể hôi hám, xấu xa, bụng lớn như cái trống, cuống họng nhỏ như cây kim, miệng phụt ra lửa, chịu đói khát trong nghìn muôn kiếp. Còn cõi địa ngục thì vạc dầu, cột lửa, hầm băng giá, núi gươm đao; sự thống khổ không thể nào mô tả cho hết được.

Bốn cõi A Tu La, Ngạ quỷ, Bàng sinh và Địa ngục, trong kinh gọi là tứ ác thú. Từ cõi A Tu La theo chiều xuống, nổi khổ ở mỗi cõi cứ tuần tự gấp bội hơn lên. Trong sáu cõi, chúng sinh sống chết xoay vần hết nơi này đến nơi kia, như bánh xe chuyển lăn không có đầu mối. Sinh lên cõi Trời và Người thì rất khó và rất ít, còn đọa xuống tứ ác thú thì rất dễ và rất nhiều.

Khi còn tại thế, một hôm Đức Phật dùng móng tay quết Q JP□

phải cầu sinh về Tây Phương để thoát khỏi vòng sống chết luân hồi, lần lần tu chứng đến cảnh Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của Niết Bàn, *chứ không nên mong cầu sự phúc lạc hư dối ở thế gian.*

Niệm Phật như thế mới phù hợp với mục đích giải thoát, với tâm Từ Bi cứu khổ ban vui của đức Thế Tôn. Và muốn được như vậy, chúng con phải thường xuyên giám sát và suy tư về tám nỗi khổ của kiếp người, cho đến nỗi khổ vô tận vô biên trong sáu cõi.

Nếu chẳng quán sát như thế, thì tâm cầu mong giải thoát sẽ khó phát sinh, ý nguyện về Tây Phương sẽ không tha thiết; làm thế nào để ngày kia bước lên bờ giác ngộ và dùng con thuyền Bát Nhã để độ khắp biển mê?

Xưa kia đức Phật đã than rằng : *“Trong đời mạt pháp, các đệ tử của ta chỉ đeo đuổi theo bên ngoài, ít có ai quan niệm đến vấn đề Sinh Tử”.*

Không tha thiết đến sự liễu thoát sinh tử là vì thiếu Trí Giác, do bởi không thiết thực quán xét nỗi khổ trong kiếp sống luân hồi, những người ấy chẳng những phụ ơn Phật mà cũng

ruồng bỏ cả chính mình, thật đáng tiếc thương và đau xót thay!

Đệ tử chúng con, nhờ giáo huấn của đức Bản Sư, nhờ ơn lành phổ độ của đức Từ Phụ, nhờ sự khai thị rõ ràng của Thiên tri thức, hôm nay mới biết được mục đích quan trọng và chân chính của pháp môn Niệm Phật là *Niệm Phật thì phải vì thoát Sinh Tử Luân Hồi.*

Với tấm lòng tri ân tha thiết và chân thành, chúng con xin đem cả tính mạng mà quy y và đảnh lễ:

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam mô Đại Từ Đại Bi A Mi Đà Phật, vị Đạo sư tiếp dẫn vãng sinh Cực Lạc.

Nam mô Cứu Khổ Cứu Nạn Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát.

Nam mô Đại Hùng Đại Lực Đại Thế Chí Bồ Tát.

Nam mô Liên Trì Hải Hội Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.

PHẨM THỨ HAI
 NIỆM PHẬT PHẢI PHÁT TÂM
 VÔ THƯỢNG BỒ ĐỀ

Bản hoài đích thật của đức Thế Tôn là muốn cho tất cả chúng sinh đều thoát vòng sinh tử, đều được giác ngộ như Ngài. Cho nên, người niệm Phật cần phải phát Bồ Đề tâm, tức là phát khởi cái tâm chí mong cầu quả vị Phật Đà, quả vị ấy là cứu kính tối thượng, không còn có gì hơn, siêu việt cả hàng Thanh Văn, Duyên Giác; nên phát tâm như vậy còn gọi là phát Vô Thượng Bồ Đề tâm. Tâm này gồm có hai loại chủng tử chính yếu, là Từ Bi và Trí Tuệ, thường hay phát xuất công năng độ thoát mình và cứu vớt tất cả chúng sinh.

Kinh dạy rằng: “*Bồ Đề tâm làm nhân, Đại Bi làm căn bản, phương tiện Trí Tuệ làm cứu kính*”.

ph Vì như người đi xa thì trước tiên phải nhận
 định mục u

Người học Phật cũng phải như thế, nghĩa là trước tiên phải lấy cái quả vị Vô Thượng Bồ Đề làm mục tiêu rõ ràng, lấy lòng Đại Bi lợi mình lợi người làm chủ đích thực hành, kế đó, tùy sở thích và căn cơ mà lựa chọn pháp môn để tu tập. Phương tiện còn là trí tuệ quyền biến tùy cơ nghi, áp dụng tất cả hạnh thuận nghịch trong khi hành Bồ Tát đạo. Cho nên, Bồ Đề tâm là mục tiêu cần phải nhận định rõ ràng trước khi hành trì.

Kinh Hoa Nghiêm dạy rằng: *“Nếu quên mất tâm Bồ Đề mà tu hành các thiện pháp, đó là ma nghiệp”*.

Thật vậy, nếu dụng công khổ nhọc mà quên sót mục tiêu cầu thành Phật để lợi mình và lợi người, thì bao nhiêu các hạnh lành chỉ đem đến kết quả hưởng phúc báo nhân thiên, chung cuộc vẫn bị chìm mê quanh quẩn trong nẻo luân hồi, chịu vô biên nỗi khổ. Như vậy chẳng là nghiệp ma thì còn gọi là gì? Thế thì, phát lòng Vô Thượng Bồ Đề để lợi ích cho chính mình và cho chúng sinh là điểm phát tâm rất cần yếu.

Pháp môn Niệm Phật thuộc về pháp Đại thừa, nếu phát Bồ Đề tâm mà niệm Phật thì Tâm và Pháp đều được toàn vẹn, sẽ đi đến quả Viên Giác kiêm cả tự lợi và lợi tha.

Muốn phát Bồ Đề tâm, người niệm Phật cần phải quán sát để phát tâm một cách thiết thực và hành động đúng theo tâm nguyện ấy trong suốt cuộc đời.

phải là Ta. Tâm thức cũng thế, nó chỉ là cái thể tổng hợp về cái biết của sáu trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Cái biết của ta khi thì có khi thì không – hình ảnh này tiêu hoại thì hình ảnh khác hiện ra, tùy theo trần cảnh mà thay đổi luôn luôn, hư giả không thật. Cho nên, tâm thức này không phải là Ta.

Cổ đức đã bảo: “Thân như bọt tụ, tâm như gió huyễn hiện vô căn, không tính thật”.

Nếu giác ngộ thâm tâm như huyễn thì sẽ không còn chấp trước, lần lần sẽ đi vào cảnh giới nhân không, chẳng còn Ngã tướng. Cái Ta của ta đã là không, thì cái ta của người khác cũng là không nên chẳng còn Nhân tướng. Cái Ta của ta đã là không, thì tất cả cái Ta của vô số chúng sinh cũng là không. Nếu không còn Chúng sinh tướng, cái Ta đã là không, nên không có bản ngã bền lâu, nên không thật có ai chứng đắc, không có ai thọ nhận, nên không có Thọ giả tướng.

Nhân đã không thì Pháp cũng không, vì sự cảnh luôn luôn đổi thay sinh diệt, không có tự thể. Đây lại cần nên nhận rõ: chẳng phải các pháp khi

hoại diệt mới thành không, mà chính vì nó hư huyền nên *đương thể tức là không*? Cả Nhân cũng thế. Khi giác ngộ là cả Nhân và Pháp đều không, thì giữ lòng thanh tịnh và trong sáng, không chấp trước mà niệm Phật. Dùng lòng giác ngộ như thế mà hành đạo, mới gọi là phát Bồ Đề tâm .

Điểm thứ hai : Bình ng Tâm

Trong khế kinh, đức Phật đã dạy rằng: “Tất cả chúng sinh đều có Phật tính, là cha mẹ đời quá khứ của ta và là chư Phật đời vị lai”.

Chư Phật thấy chúng sinh là Phật nên dùng tâm bình đẳng đại bi mà cứu độ. Là đệ tử của Phật, chúng con phải tuân theo lời dạy của đức Thế Tôn. Cho nên đối với chúng sinh phải có tâm bình đẳng và tôn trọng. Tôn trọng và thừa sự chúng sinh là tôn trọng và thừa sự đức Như Lai, làm cho chúng sinh hoan hỷ tức là làm cho chư Phật hoan hỷ. Kinh Hoa Nghiêm phẩm Phổ Hiền đã dạy như thế. Khi dùng lòng bình đẳng tôn kính mà tu niệm thì chúng con sẽ dứt được nghiệp chướng phân biệt và khinh mạn, rồi nhờ đó mà sẽ dứt trừ được mọi thứ phiền não để nảy sinh các đức lành. Dùng

lòng bình đẳng như thế mà hành đạo thì gọi là phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

Điểm thứ ba : T Bi Tâm

Đệ tử chúng con cùng tất cả chúng sinh đều sẵn đủ công đức và tướng hảo cùng trí tuệ của Như Lai do vì mê mờ chân tính và đầy khởi hoặc nghiệp nên phải bị luân hồi, chịu vô biên sự thống khổ. Nay đã rõ như thế chúng con cần phải dứt trừ tâm phân biệt yêu ghét, mà khởi lòng cảm hối từ bi, để tìm phương tiện độ mình cứu người, để cùng nhau được an vui thoát khổ. Cũng nên nhận rõ rằng Từ Bi khác với Ái Kiến. Ái kiến là lòng thương yêu còn chấp luyến trên hình thức, trên tình cảm và tâm phân biệt, cho nên kết quả là bị sợi dây tình ái buộc ràng.

Từ Bi là lòng xót thương cứu độ mà không phân biệt chấp trước, và xa lìa mọi hình tướng. Tâm Từ Bi thể hiện dưới nhiều mặt, nên kết quả được an vui giải thoát và phúc tuệ càng tăng thêm.

Muốn cho tâm Từ Bi được thêm rộng lớn thì phải xét từ nỗi khổ của chính mình mà cảm

thông đến các nỗi khổ của người khác, tự nhiên sinh ra lòng xót thương cứu vớt, niệm từ bi của Bồ Đề tâm từ đó sẽ phát ra.

Trong kinh Hoa Nghiêm, Ngài Phổ Hiền Bồ Tát đã khai thị rằng: “Bồ Tát quán sát chúng sinh không nơi nương tựa mà khởi đại bi, quán sát chúng sinh tính chẳng điều thuận mà khởi đại bi, quán sát chúng sinh nghèo khổ không căn lành mà khởi đại bi. Quán sát chúng sinh ngủ say trong đêm dài vô minh mà khởi đại bi, quán sát chúng sinh làm những điều ác mà khởi đại bi. Quán sát chúng sinh đã bị ràng buộc lại thích lao mình vào chỗ ràng buộc mà khởi đại bi. Quán sát chúng sinh chìm đắm trong biển sinh tử mà khởi đại bi. Quán sát chúng sinh vương mang tật khổ lâu dài mà khởi đại bi. Quán sát chúng sinh không ưa thích pháp lành mà khởi đại bi. Quán sát chúng sinh xa mất Phật pháp mà khởi đại bi”.

Đã phát Đại Bi tâm thì tất phải phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, thề nguyện cứu độ tất cả chúng sinh. Vậy thì lòng đại Từ Bi là lòng đại Bồ Đề, phải dung thông nhau. Cho nên, phát Từ Bi

tâm tức là phát Vô Thượng Bồ Đề tâm. Dùng lòng đại bi như thế mà niệm Phật và sống đạo mới gọi là phát Bồ Đề tâm.

Điểm thứ tư : Hoan H Tâm

Đã có xót thương thì phải thể hiện lòng xót thương ấy qua tâm hoan hỷ, hoan hỷ gồm có hai thứ: Tùy hỷ và Hỷ xả.

Tùy hỷ là khi thấy trên từ chư Phật và Thánh nhân, dưới cho đến các loại chúng sinh có làm được công đức gì dù lớn dù nhỏ, đều cũng vui mừng theo. Và khi thấy ai được sự phúc lợi, hưng thịnh, thành công, an ổn cũng sinh ra ý niệm vui vẻ, mừng giùm cho họ.

Hỷ xả là dù có chúng sinh làm những điều tội ác, vong ân, khinh hủy hiểm độc, tổn hại cho mình, đều cũng an nhẫn, vui vẻ mà bỏ qua.

Lòng tùy hỷ sẽ trừ được các chướng ngại của sự ganh ghét nhỏ nhen. *Lòng hỷ xả* sẽ giải trừ được chướng ngại của sự hận thù báo phục. Bởi vì tâm hoan hỷ không ngoài sự giác ngộ mà thể hiện, nên đó chính là lòng Bồ Đề.

Dùng lòng hoan hỷ như thế mà niệm Phật, mới gọi là phát Bồ Đề tâm.

Điểm thứ năm : Sám Ngũ n Tâm

Trong kiếp sống luân hồi dằng dặc lâu xa, mọi loài chúng sinh thường đổi thay hình dạng và làm quyền thuộc lẫn nhau. Nhưng vì đê tử chúng con mê mờ lầm lạc, từ vô thủy cho đến ngày nay, do tâm chấp ngã chỉ muốn lợi mình, nên đã từng làm tổn hại chúng sinh, tạo ra vô lượng vô biên ác nghiệp. Thậm chí đến chư Phật và Thánh nhân, vì tâm đại bi mà hiện ra nơi đời để thuyết pháp cứu độ tất cả các loài, trong ấy có cả chúng con. Vậy mà đối với ngôi Tam Bảo, chúng con đã từng sinh lòng vong ân hủ phá.

Ngày nay biết được lỗi lầm của mình, đê tử chúng con vô cùng hổ thẹn và ăn năn, xin chí thành sám hối cả ba nghiệp thân khẩu ý.

Ngay cả đức Di Lặc Bồ Tát dù đã chứng ngôi vị Bất Thoái, vì muốn mau đắc quả Phật mà mỗi ngày còn lễ sám sáu thời. Vậy chúng con xin đem thân nghiệp kính lễ Tam Bảo, khẩu nghiệp

tỏ bày tội lỗi cầu mong được tiêu trừ, và đem ý nghiệp thành khẩn ăn năn, thề không tái phạm.

Sau khi sám hối, chúng con xin dứt hẳn tâm nơ và hạnh ác, không còn cho tiếp tục tái phạm nữa, để đi đến chỗ tâm và cảnh đều Không, đó mới thật là sám hối chân chính. Lại phải phát nguyện rằng: “Nguyện hưng long ngôi Tam Bảo, nguyện độ khắp chúng sinh, nguyện hoằng truyền pháp môn Niệm Phật để chuộc lại lỗi xưa và đền đáp bốn ơn nặng, đó là ơn Tam Bảo, ơn cha mẹ, ơn sư trưởng cùng thiện hữu tri thức, cuối cùng là ơn của tất cả chúng sinh”.

Điểm thứ sáu : B t Thoái Tâm

Dù đã sám hối, phát nguyện tu hành nhưng nghiệp hoặc và ma chướng không dễ gì dứt và sự lập bồi công đức không dễ gì thành tựu. Mà con đường Bồ Đề đi đến quả Viên Giác xa vời vợi lại đầy cam go chướng ngại. Ngài Xá Lợi Phất trong tiền kiếp chúng đến ngôi Lục Trụ, phát đại Bồ Đề tâm tu hạnh bố thí. Nhưng khi chịu khổ để khoét một con mắt cho người ngoại đạo, bị họ không dùng, liệng xuống đất rồi nhỏ nước dãi,

lấy chân chà đạp lên trên. Ngài liền thối thất Đại thừa tâm.

Như vậy, muốn giữ vững tâm nguyện là điều không phải dễ dàng. Đệ tử chúng con chỉ vì muốn đạo tâm không thoái chuyển thì phải lập nên thệ nguyện thật kiên cố.

Đệ tử chúng con thề rằng: “*Thân này dầu chịu vô lượng sự nhọc nhằn khổ nhục, hoặc bị đánh giết cho đến thiêu đốt nát tan thành tro bụi, cũng không vì thế mà phạm vào điều ác, mà thối thất trên bước tu hành*”. Dùng lòng Bất Thoái Chuyển như thế mà niệm Phật, mới gọi là phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

Đó là sáu yếu điểm bắt buộc phải có của người phát Vô Thượng Bồ Đề tâm. Nếu không dựa vào sáu điểm ấy để lập chí tu hành thì dù nói phát tâm cũng chỉ là nói suông mà thôi, không thể nào đi đến Phật quả. Trước mắt chúng con chỉ có hai con đường: luân hồi và giải thoát. Đường giải thoát tuy có lắm nỗi gian nan, nhưng mỗi bước đều đi lần lần đến chỗ sáng suốt an vui. Đường luân hồi dù được tạm hưởng phúc báo

nhân thiên, nhưng kết cuộc phải chuyển đến cảnh tam đồ, ác đạo, sự khổ vô biên không biết đến kiếp nào mới ra khỏi.

Vì vậy, đệ tử chúng con quyết chí niệm Phật suốt đời, nguyện vì hết thảy chúng sinh mà phát Vô Thượng Bồ Đề tâm mà hoàn thành Phật đạo. Bởi lẽ muốn sớm chứng đắc Phật quả, muốn thành tựu Bồ Đề tâm nguyện, mà chúng con phải dốc lòng cầu vãng sinh Cực Lạc cũng như phải niệm Phật chuyên cần.

---o0o---

NH NG HU N TH V B TÂM

Kinh Hoa Nghiêm có dạy rằng: “Này thiện nam tử! Bạc Bồ Tát phát lòng Vô Thượng Bồ Đề là: khởi lòng đại bi cứu độ tất cả chúng sinh, khởi lòng cúng dường chư Phật, cứu kính thừa sự. Khởi lòng khắp cầu chính pháp tất cả không sên tiếc. Khởi lòng thú hưởng rộng lớn cầu Nhất Thiết Trí. Khởi lòng đại từ vô lượng khắp nhiếp tất cả chúng sinh. Khởi lòng không bỏ rời các loài hữu tình, mặc áo giáp kiên thệ để cầu Bát

Nhã Ba la mật. Khởi lòng không siểm dối vì cầu được trí Như Thật. Khởi lòng thực hành y như lời nói, để tu đạo Bồ Tát. Khởi lòng không dối đối với chư Phật vì gìn giữ thệ nguyện lớn của tất cả Như Lai. Khởi lòng nguyện cầu Nhất Thiết Trí cùng tận kiếp vị lai giáo hóa chúng sinh không ngừng nghỉ. Bồ Tát dùng những công đức Bồ đề tâm nhiều như vi trần số cõi Phật như thế nên được sinh vào nhà Như Lai.

Này thiện nam tử! Như người học bắn trước hết phải tập thế đứng, rồi sau mới học đến cách bắn. Cũng thế, Bồ Tát muốn học đạo Nhất Thiết Trí của Như Lai, trước hết phải an trụ nơi Bồ Đề tâm, rồi sau mới tu hành tất cả Phật pháp. Thiện nam tử! Ví như vương tử tuy hãy còn thơ ấu song tất cả đại thần đều phải kính lễ. Cũng thế, Bồ Tát tuy mới phát Bồ Đề tâm tu Bồ Tát hạnh, nhưng tất cả bậc kỳ cựu hàng Nhị thừa đều phải nể vì kính trọng.

Thiện nam tử! Như thái tử tuy đối với quần thần chưa được tự tại, song đã có đầy đủ tướng trạng của vua, mà các bầy tôi không thể sánh

bằng, bởi nhờ chỗ xuất sinh tôn quý. Cũng thế, Bồ Tát tuy đối với các nghiệp phiền não chưa được tự tại, song đã đầy đủ tướng trạng Bồ Đề, hàng Nhị thừa không thể sánh bằng, bởi nhờ chủng tính đứng vào bậc nhất.

Thiện nam tử! Như người máy bằng gỗ nếu không có mấu chốt thì các thân phần rời rạc chẳng thể hoạt động. Cũng thế Bồ Tát nếu thiếu Bồ Đề tâm thì các hạnh lành đều bị phân tán, không thể thành tựu tất cả Phật pháp.

Thiện nam tử! Như chất kim cương thì tất cả mọi vật không thể phá hoại, trái lại có thể phá hoại tất cả vật khác, song thể tính của nó vẫn không tổn giảm. Bồ Đề tâm của Bồ Tát cũng thế, khắp ba đời trong vô số kiếp giáo hóa chúng sinh, tu các khổ hạnh, việc hàng Nhị thừa không thể làm mà Bồ Tát đều làm được, song kết cuộc vẫn chẳng chán mỗi giảm hư”.

Phổ Hiền Bồ Tát dạy rằng: “Thiện nam tử! Bồ Tát vì điều phục giáo hóa tất cả chúng sinh nên phát Bồ Đề tâm. Vì trừ diệt khổ tụ cho tất cả chúng sinh nên phát Bồ Đề tâm. Vì đem cho tất cả chúng

sinh sự an vui đầy đủ nên phát Bồ Đề tâm. Vì dứt trừ sự ngu tối cho tất cả chúng sinh nên phát Bồ Đề tâm. Vì đem lại Phật trí cho tất cả chúng sinh nên phát Bồ Đề tâm. Vì tùy thuận lời dạy của Như Lai khiến chư Phật hoan hỷ nên phát Bồ Đề tâm. Vì muốn thấy sắc thân và tướng hảo của tất cả chúng sinh nên phát Bồ Đề tâm. Vì cung kính cúng dường tất cả chư Phật nên phát Bồ Đề tâm. Vì muốn nhập vào trí tuệ rộng lớn của tất cả chư Phật nên phát Bồ Đề tâm. Vì muốn hiển hiện các Đức, Lực, Vô úy của chư Phật nên phát Bồ Đề tâm”.

Đệ tử chúng con vẫn nhận thức rất rõ rằng: “Nẻo luân hồi có quá nhiều chương nạn, nếu chưa chứng quả Vô sinh thì khi chuyển sang kiếp sống khác ắt dễ bị hôn mê sa đọa”.

Cho nên, muốn bảo đảm cái tâm Vô Thượng Bồ Đề không bị thôi thối và để dễ dàng thành mãn chí nguyện độ sinh, chúng con phải gấp rút thanh toán vấn đề sống chết bằng cách cầu vãng sinh cõi Cực Lạc.

Như vậy, nhờ sự giáo huấn của đức Bản Sư Thích Ca Mâu Ni, nhờ oai lực vĩ đại của bản

nguyện A Mi Đà mà từ nay chúng con đã biết rõ
Niệm Phật thì phải phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

Với tấm lòng tri ân tha thiết và chân thành,
đệ tử chúng con xin đem cả tính mạng mà quy y
và đảnh lễ:

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật .

*Nam mô Đại Từ Đại Bi A Mi Đà Phật, vị
Đạo sư tiếp dẫn vãng sinh Cực Lạc.*

*Nam mô Cứu Khổ Cứu Nạn Đại Từ Đại Bi
Quán Thế Âm Bồ Tát.*

*Nam mô Đại Hùng Đại Lực Đại Thế Chí Bồ
Tát.*

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.

---o0o---

PHẨM THỨ BA NIỆM PHẬT PHẢI ĐẶT TRỌNG LÒNG TIN VÀO LỜI PHẬT DẠY

Chúng sinh nơi thế giới Sa Bà này, đang ở vào đời ác, đủ năm thứ như bản, phiền não thì nặng và nhiều, hoàn cảnh bên ngoài thì ác liệt nên sự tu hành không dễ gì tiến bộ. Đức Bản Sư vì quá thương xót nên vận dụng lòng Bi Trí đặc biệt mở ra pháp môn Niệm Phật. Người tu môn này tuy chưa dứt phiền não, mà có thể mang cả nghiệp hoặc của mình, trở về sinh sống bên cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà. Khi về đến Tây Phương rồi, nhờ nhiều thắng duyên của cảnh ấy nên sự tiến tu chứng đạo rất dễ dàng như cầm lấy món đồ trước mắt. *Sự thành tựu lớn lao như vậy là do tất cả đều đặt trên lòng Tin.*

Kinh Hoa Nghiêm dạy rằng: “*Lòng tin là bước đầu vào Đạo, là mẹ của tất cả công đức. Lòng tin hay nuôi lớn các căn lành, lòng tin hay thành tựu quả Bồ Đề của chư Phật*”.

Thế nên, đối với người niệm Phật thì đức tin có tính cách rất trọng yếu. Nếu mất đức tin,

chẳng những nền tảng tiến đạo bị sụp đổ, mà công hạnh giải thoát cũng không thành. Đức tin này không phải là mê tín, mà chính là lòng tin nương theo trí tuệ, là sự đặt trọn vẹn niềm tin vào lời dạy của Phật, Bồ Tát và chư vị Tổ sư.

Tại sao đã nương theo trí tuệ, lại còn phải đặt trọn niềm tin vào lời dạy của Phật và Tổ? Bởi vì môn Niệm Phật thuộc về pháp Đại thừa, mà đã là đại pháp thì chắc chắn phải nói về nhiều cảnh giới siêu việt khác thường, nên có những điều mà trí tuệ phàm phu không thể suy lường nổi.

Cho nên, trong các kinh điển Đại thừa, có nhiều chỗ đức Phật bảo đừng nói cho kẻ nhiều kiến chấp và thiếu lòng tin nghe. Vì chỉ e họ sinh lòng khinh báng mà thêm lỗi lầm. Vì vậy, đệ tử chúng con khi đọc tụng kinh điển Đại thừa, có chỗ nào dùng trí tuệ mà hiểu được thì rất tốt, còn chỗ nào suy ngẫm nhiều mà không thấu đạt thì chúng con vẫn đặt trọn vẹn lòng tin nơi lời chỉ dạy của đức Thế Tôn. Như thế, mới gặt hái nhiều phần lợi ích.

Trong kinh A Mi Đà, đức Thế Tôn cũng đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần rằng đây là pháp khó

tin khó hiểu, và nói pháp này ra, quả thật là điều rất khó tin và lòng tin là điều quan trọng bậc nhất.

Chư vị Tổ sư cũng đã dạy rằng: “Pháp môn Niệm Phật rất khó thâm tín, chỉ duy hạng phàm phu đã gieo trồng căn lành niệm Phật và bậc đẳng địa Bồ Tát mới tin nhận được mà thôi. Ngoài ra, những chúng sinh khác cho đến hàng Nhị thừa là Thanh Văn và Duyên Giác hoặc quyền vị Bồ Tát, đôi khi cũng không tin nhận pháp môn này”.

Đệ tử chúng con, nhờ năng lực nhiếp thọ của đức A Mi Đà, nhờ sự gia trì của mười phương chư Phật, nên mới có được lòng tin vào lời dạy của đức Bản-Sư, nhận chắc rằng: Cõi Cực Lạc từ nhân vật đến cảnh giới đều là thật. Tin chắc chắn vào bản nguyện cứu độ của Phật A Mi Đà, nên chúng con dù nghiệp nặng đến đâu chẳng nữa, nếu xưng niệm danh hiệu Ngài thì cũng quyết định sẽ được tiếp dẫn vãng sinh Cực Lạc. Chúng con tin rằng *niệm Phật thì thành Phật*, chắc chắn nhân nào quả nấy không thể sai lạc mảy may, và nếu *nguyện về cõi Phật*

thì quyết định sẽ được thấy Phật và được vãng sinh. Đây là một điều vô cùng hiển nhiên không phải cần minh chứng thêm nữa.

Đệ tử chúng con vẫn tin và hiểu rằng *pháp môn Niệm Phật gồm nhiếp cả Thiên, Giáo, Luật, Mật.* Bởi vì khi niệm Phật dứt trừ tất cả vọng tưởng và chấp trước, rồi đưa đến chỗ minh tâm kiến tính, đó tức là *Thiền.* Sáu chữ hồng danh bao gồm vô lượng vô biên ý nghĩa màu nhiệm, không có một thứ giáo lý nào mà không được chứa đựng ở trong một câu Phật hiệu đó là *Giáo.*

Niệm Phật chuyên cần sẽ làm thanh tịnh thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp, đưa hành giả đến cảnh giới sâu màu, trong sạch vắng lặng, đó là *Luật.* Danh hiệu A Mi Đà Phật có công năng như một câu thần chú đưa chúng con vượt qua biển khổ sinh tử mà thấu bờ bên kia, lại còn giải trừ oán kết tiêu diệt nghiệp chướng, hoàn mãn sở nguyện, hàng phục ma ngoại, đở

Hơn nữa, những người có căn tính Đại thừa, tất phải hiểu rằng *niệm Phật để thành Phật*. Nếu chỉ hiểu niệm Phật cốt để ngăn trừ vọng tưởng và phiền não tức là đã lạc vào Ngũ đình tâm quán của Tiểu Thừa.

Tại sao niệm Phật là để thành Phật?

Bởi vì khi vừa đề khởi câu Phật hiệu, thì quá khứ, hiện tại và vị lai đều mất cả, tuy có tướng mà lia tướng, tức sắc là không, hữu niệm đồng vô niệm, đi ngay vào cảnh giới bản giác ly niệm của Như Lai, cho nên *đương thể tức là Phật* chứ còn chi nữa?

Huống chi, kinh dạy rằng: “*Phật A Mi Đà thường phóng hào quang nhiếp thọ tất cả chúng sinh niệm Phật ở mười phương không bỏ sót*”.

Thật vậy, đức Phật A Mi Đà đã lập ra bốn mươi tám lời thệ nguyện vĩ đại, nhằm đưa hết thảy chúng sinh thành tựu Phật đạo tối thượng. Bản nguyện của Ngài phát xuất từ tấm lòng đại từ đại bi nên đã có một oai lực tuyệt đối, thù thắng và siêu việt nhân quả.

Đệ tử chúng con vốn là những hữu tình bị chi phối bởi vô thường và bất lực trước kiếp sống hữu hạn bị trói buộc bởi nghiệp lực, hoàn toàn bị ước định bởi không gian, thời gian và luật nhân quả. Cho nên chúng con không bao giờ có thể đạt đến Niết Bàn hay giác ngộ được. Sự bất lực không thể tự đạt đến giải thoát vốn nằm ngay trong bản chất của kiếp sống. Càng nỗ lực thì chúng con càng vướng mắc thêm vào những mạng lưới rối rắm, cho nên, chúng con cần đến một sự trợ lực phát sinh từ một căn nguồn nào khác, hơn là cái kiếp sống giới hạn này. *Đó là bản nguyện của đức A Mi Đà Phật .*

Nhưng bản nguyện không phải là một căn nguồn xa lạ và ở ngoài chúng con. Vì sao vậy? Vì nếu là hoàn toàn ở bên ngoài thì bản nguyện ấy không thể hiểu biết gì về những giới hạn của chúng con và do đó không thể cảm thông với chúng con. bản nguyện của A Mi Đà Phật thật ra *chính là sự sống của chúng con và là nguồn rung động tâm linh của chúng con, được biểu thị qua một thực thể gọi là sức mạnh tâm linh của đức A Mi Đà Phật .*

Như vậy, bản nguyện ấy vẫn hằng ở trong chúng con, nhưng lại luôn luôn ở ngoài chúng con. Nếu không ở trong chúng con thì ắt không thể hiểu và cứu vớt chúng con. Nếu không ở ngoài chúng con thì chắc hẳn lại nhận chịu cùng những giới hạn của chúng con. Đây là một vấn đề vĩnh cửu. Hữu và Không Hữu. Ở trong mà lại ở ngoài. Tuy vô hạn nhưng sẵn sàng phụng sự hữu hạn, đầy ý nghĩa nhưng lại chẳng có ý nghĩa gì cả?

Thật ra, bản nguyện chỉ là lực dụng của Phật trí, mà Phật trí thì vượt lên trên mọi khả năng lĩnh hội của toàn phàm phu như chúng con.

Là phàm phu vô trí, chúng con chỉ tin theo lời Phật và chỉ nương tựa vào năng lực cứu độ tuyệt đối của đức A Mi Đà mà *niệm Phật cầu nguyện vãng sinh Cực Lạc*.

Để biểu lộ lòng tin mãnh liệt và sâu sắc ấy, đệ tử chúng con quyết chí niệm Phật suốt đời, vì đặt trọn lòng tin vào đức Phật và lời Phật dạy, không còn một ý tưởng nghi ngờ. Từ nay trở về sau, đệ tử chúng con luôn luôn ghi nhớ rằng

Niệm Phật phải đặt trọn lòng tin vào đức Phật và lời Phật dạy.

Với lòng tin vô cùng vững mạnh, đệ tử chúng con xin đem cả tính mạng mà quy y và đảnh lễ:

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Mi Đà Phật .

Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát.

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát.

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.

---o0o---

PHẨM THỨ TƯ
NIỆM PHẬT PHẢI PHÁT NGUYỆN
VÃNG SINH CỰC LẠC

Yếu chỉ của pháp môn niệm Phật là *Tín*, *Nguyện*, *Hạnh*, muốn vào cửa pháp này, trước tiên hành giả phải tin cõi Cực Lạc là có thật, và đức A Mi Đà luôn luôn hộ niệm, sẵn sàng tiếp dẫn chúng sinh nào xưng niệm danh hiệu của Ngài. Sau khi đã có lòng *Tín*, thì hành giả phải phát tâm chân thiết cầu thoát ly khỏi Sa Bà đầy khổ lụy và chướng duyên, mà mong muốn sinh về miền Cực Lạc an vui, sự thanh tịnh trang nghiêm vô lượng để tiên tu, hoàn thành mục đích tự độ và độ tha. Đó là *Nguyện*. Và sau khi đã phát nguyện như thế, lại cần phải thiết thực xưng niệm danh hiệu A Mi Đà Phật để được tiếp dẫn. Đây gọi là *Hạnh*.

Ngẫu Ích Đại sư dạy rằng: “Được vãng sinh hay chẳng, toàn bộ *Tín Nguyện* có hay không, phẩm vị thấp hay cao, đều bởi hành trì sâu hoặc cạn. Nếu không *Tín Nguyện*, thì dù trì niệm câu hồng danh cho đến gió thổi không vào, mưa sa

chẳng lọt, vững chắc như tường đồng vách sắt cũng không được vãng sinh”.

Nếu Tín Nguyễn bền chắc, thì khi lâm chung chỉ xưng danh hiệu mười niệm hay một niệm cũng được vãng sinh. Trái lại, việc hành trì tuy vững như vách sắt tường đồng mà Tín Nguyễn yếu kém, thì kết quả chỉ hưởng được phúc báo nhân thiên mà thôi.

Như vậy, sự phát nguyện thật vô cùng cần thiết và quan trọng. Cho nên đức Bản Sư cứ nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong kinh A Mi Đà:

“Lại nữa, Xá Lợi Phất, chúng sinh được về cõi Cực Lạc đều là hàng A Bệ Bạt Trí, trong ấy có rất nhiều bậc Nhất Sinh Bỏ Xứ số lượng rất đông, không thể dùng toán số mà tính biết được, chỉ có thể lấy số “vô lượng vô biên tăng kỳ” để nói mà thôi. Xá Lợi Phất! Chúng sinh nghe rồi *phải nên phát nguyện cầu sinh về cõi nước kia*. Bởi tại sao? Vì được cùng các bậc thượng thiện nhân như thế, đồng hợp một chỗ...”.

“...Xá Lợi Phất! Ta thấy sự lợi ích đó, nên nói lời này: Nếu có chúng sinh nào nghe lời

nói đây *phải nên phát nguyện cầu sinh về quốc độ ấy*”.

“...Xá-Lợi-Phất! Nếu có người đã phát nguyện, đang phát nguyện, sẽ phát nguyện muốn sinh về nước Phật A Mi Đà, thì những người đó hoặc đã sinh, hoặc đang sinh, hoặc sẽ sinh đều được không thoái chuyển nơi quả vị Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác ở cõi nước kia. Cho nên Xá Lợi Phất, các thiện nam tử, thiện nữ nhân nếu có lòng tin thì *phải nên phát nguyện cầu sinh về cõi nước kia...*”.

Như trên đây, chúng con thấy đức Thích Ca mãi nhắc đi nhắc lại hai chữ “Phát Nguyện”, lời và ý đều khẩn thiết. Cho đến phần kết thúc kinh A Mi Đà, Ngài cũng vẫn đôi ba phen bảo chúng con *phải phát nguyện cầu vãng sinh Cực Lạc*.

Tại sao như vậy? Vì nếu được về cõi Cực Lạc sẽ được ở cảnh giới vô cùng màu nhiệm trang nghiêm, được thân hình kim cương, đủ ba mươi hai tướng tốt, dứt hẳn nỗi khổ sinh già bệnh chết, được gần gũi chư Phật và chư đại Bồ

Tát, được hội họp với các bậc thượng thiện nhân, được thần thông tam muội, không còn thoái chuyển nơi quả vị Vô Thượng Bồ Đề.

Bởi trí tuệ của Phật nhìn thấy rất nhiều sự lợi ích như thế, nên Ngài mới vận lòng Từ Bi, vì cứu độ mọi loài hữu tình mà khuyến nên phát nguyện vãng sinh Cực Lạc. Lòng bi mẫn của đức Thích Ca Thế Tôn thật là vô lượng, khiến chúng con hôm nay đọc lại lời giáo huấn tha thiết của Ngài mà tâm tư không khỏi xúc động. Và y theo lời dạy của đức Bản Sư, đệ tử chúng con từ nay nhận thức rõ ràng rằng: *Niệm Phật thì phải phát nguyện, cầu vãng sinh thế giới Cực Lạc.*

Chúng con cùng nhau chấp tay, quỳ xuống, một lòng cầu vãng sinh.

Quy mệnh lễ A Mi Đà Phật

Ở Tây Phương thế giới an lành

Con nay phát nguyện, nguyện vãng sinh

Xin đức Từ Bi thương nhiếp thụ.

Đệ tử chúng con khắp vì bốn ơn ba cõi pháp giới chúng sinh cầu đạo Bồ Đề Nhất thừa của Phật, chuyên tâm trì niệm hồng danh đức Phật A Mi Đà, nguyện sinh Tịnh Độ.

Lại bởi chúng con, nghiệp nặng phúc mỏng, chương sâu tuệ cạn, nhiễm tâm dễ động, tịnh đức khó thành.

Nay đối Từ Tôn, kính gieo năm vóc bày tỏ một lòng, chí thành sám hối.

Con và chúng sinh, khoáng kiếp đến nay, mê bản tịnh tâm, buông tham sân si, nhiễm dơ ba nghiệp, tội cấu đã gây vô lượng vô biên, nghiệp oan đã kết nguyện đều tiêu diệt.

Nguyện từ hôm nay, lập thệ nguyện sâu, xa lìa pháp ác, thề không còn tạo, siêng tu Thánh đạo, thề chẳng biếng lui, thề thành Chính Giác, thề độ chúng sinh. Xin đức Từ Tôn dùng nguyện từ bi chứng biết lòng con, thương xót đến con, gia bị cho con. Nguyện khi thiền quán hoặc lúc mộng mơ, được thấy thân vàng A Mi Đà Phật, được chơi cõi Tịnh của đấng Đạo Sư, được nhờ Từ Tôn cam lộ rưới

đầu, quang minh chiếu thể, tay xoa đỉnh con, áo đắp thân con, khiến cho chúng con chướng cũ tự trừ, căn lành thêm lớn, mau tiêu phiền não, chóng phá vô minh, viên giác diệu tâm, sáng bùng mở rộng, tịch quang cảnh thật, thường được hiện tiền.

Đến lúc lâm chung biết trước ngày giờ, thân không bệnh khổ, tâm dứt tham luyến, các căn vui đẹp, chính niệm phân minh, xả báo an lành, như vào thiên đĩnh, Phật A Mi Đà, Quán Thế Âm và Đại Thế Chí cùng chư Hiền Thánh, ánh lành tiếp dẫn, tay báu dắt dìu, lầu các tràng phan nhạc trời hương lạ, Tây Phương cảnh thật bày hiện rõ ràng, khiến cho chúng sinh kẻ thấy người nghe mừng vui khen cảm phát Bồ Đề tâm.

Bấy giờ thân con ngồi đài kim cang bay theo sau Phật, khoảng khảy ngón tay sinh vào sen báu nơi ao thất bảo ở cõi Tây Phương. Rồi khi hoa nở thấy Phật Bồ Tát, nghe tiếng pháp màu chúng Vô Sinh Nhân, giây phút lại đi thừa sự chư Phật. Nhờ ân thụ kí, được thụ kí xong, năm nhãn sáu thông vô lượng trăm ngàn môn Đà ra ni, tất cả công đức thấy đều thành tựu. Từ đó về sau,

không rời Cực Lạc , trở lại Sa Bà phân thân vô số khắp cả mười phương, dùng sức thần thông, tự tại khó nghĩ, và các phương tiện độ thoát chúng sinh đều khiến lia nhiễm, chúng được tịnh tâm, đồng sinh Tây Phương, lên ngôi Bất Thoái.

Nguyện lớn như vậy, thế giới vô tận, chúng sinh vô tận, nghiệp và phiền não thầy đều vô tận. Đại nguyện chúng con cũng không cùng tận. Nay con lạy Phật phát nguyện tu trì, xin đem công đức hồi thí hữu tình, bốn ơn khắp báo, ba cõi đều nhờ, pháp giới chúng sinh, đồng thành chủng trí.

Phát nguyện xong rồi, đệ tử chúng con xin đem cả tính mạng mà quy y và đảnh lễ chư Phật.

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam mô Đại Từ Bi Phụ A Mi Đà Phật, vị Đạo sư tiếp dẫn vãng sinh Cực Lạc .

Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát.

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát.

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.

PHẨM THỬ NĂM NIỆM PHẬT PHẢI HÀNH TRÌ CHO THIẾT THỰC

Đã có lòng tin vào pháp môn Niệm Phật và đã lập chí nguyện vãng sinh Cực Lạc, mà không chịu niệm Phật chuyên cần, thì cũng ví như chiếc thuyền dù có bánh lái đầy đủ mà không chịu chèo, thì cũng không thể vãng sinh. Có kẻ nghe nói: “Chỉ cần có tín nguyện chân thực và tha thiết thì khi lâm chung mười niệm hay một niệm cũng quyết được vãng sinh Tây Phương”, thì liền nghĩ rằng nếu như thế thì cần chi phải vội gáp, cứ để đến lúc sắp chết thì lúc đó bắt đầu niệm Phật cũng được.

Ý niệm này quá sai lầm bởi vì quá xem thường hành môn Niệm Phật. Phải biết rằng, theo trong kinh văn, điểm trọng yếu để vãng sinh là: “Người ấy khi lâm chung lòng không điên đảo”.

Quả thật, lúc lâm chung lòng không điên đảo thì mười niệm hay một niệm cũng được vãng

sinh, nhưng ai dám quả quyết rằng mình khi lâm chung lòng chắc chắn không điên đảo? Nếu lúc bình thời mà không tinh chuyên dụng công thì đến khi mạng sống chấm dứt, bốn đại phân ly, sức nghiệp dồn dập, thân tâm bị sự khổ làm cho kinh hoàng mê loạn, sợ e một niệm cũng không thể đề khởi, huống chi là mười niệm?

Muốn cho khi lâm chung có phần bảo đảm, thì lúc bình thời hành giả phải chuyên cần niệm Phật cho nhiều, và gắng tu tập trình độ “nhất tâm bất loạn”.

Hơn nữa, đức A Mi Đà Phật đâu có đợi đến lúc sắp lâm chung của hành giả thì mới hiện thân tiếp dẫn?

Mà thật ra, Ngài đã và đang cứu độ chúng con ngay chính trong đời sống này, từng giờ từng phút. Qua lực dụng của danh hiệu A Mi Đà Phật mà bản nguyện của Ngài đang len lỏi vào cùng tận ngõ ngách của tâm hồn chúng sinh, để đưa muôn loài trở về với bản thể vĩnh sinh. Và còn nữa, bản nguyện của Ngài đang lan tràn trên mọi ngã đường trần gian theo từng bước chân của chúng

con, để cứu vớt chúng con trong từng hành vi trong từng cử chỉ và đưa toàn bộ nếp sống chúng con trở về với thể tính giác ngộ của mình.

Chính vì vậy mà chư Tổ sư đã dạy rằng: “*Lúc niệm Phật chính là lúc vãng sinh và cũng là lúc độ sinh*”.

Điều này hiển nhiên có ý nghĩa như vậy: “Ngay trong từng câu niệm Phật, sức mạnh tâm linh của A Mi Đà Phật đang khai sinh trong chúng con *một con người của Phật Tính* và bản nguyện của A Mi Đà Phật đang làm trọn vẹn cuộc đời chúng con bằng những ân huệ nhiệm màu, thù thắng, viên mãn không thể nghĩ bàn”.

Cho nên, hành giả chân chính của pháp môn Niệm Phật thì phải luôn luôn *cung kính và chí thành xưng niệm danh hiệu A Mi Đà Phật liên tục, không gián đoạn, không xao lãng*. Giả thử có lúc tạm quên, đành xa rời danh hiệu, thì phải lập tức hồi tưởng đến bản nguyện A Mi Đà Phật và gấp rút niệm Phật trở lại, quyết không để cho tâm thức chìm đắm trong vọng tưởng.

Trong các môn niệm Phật là: Thật Tướng Niệm Phật, Quán Tướng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật và Trì Danh Niệm-Phật thì chỉ có môn Trì Danh Niệm Phật là đặc sắc, thù thắng hơn cả vì công hiệu mau lẹ, dễ dàng, bao gồm mọi căn cơ, mọi lứa tuổi, ai cũng có thể thực hành bất kỳ lúc nào và bất luận ở nơi đâu.

Chấp trì danh hiệu A Mi Đà Phật sao cho tinh chuyên và chân thành thì sẽ có cơ cảm, ngay trong hiện đời được thấy Chính báo và Y báo của cõi Cực Lạc, tỏ ngộ bản tâm, đời này dù chưa chứng Thật Tướng nhưng sau khi vãng sinh cũng quyết định được chứng đắc. Vì thế, mà Ấn Quang Tổ sư đã khen rằng: *“Chỉ duy trì danh mà chứng Thật Tướng, không cần quán tướng cũng thấy Tây Phương”*.

Thật vậy, pháp môn Niệm Phật là con đường tắt để chứng đạo, mà phương thức Trì Danh lại là con đường tắt trong pháp môn Niệm Phật.

Ngẫu Ích Đại sư, vị Tổ thứ chín của tông phái Niệm Phật, đã khai thị rằng: *“Muốn đi tới chỗ cảnh giới nhất tâm bất loạn, thì không có*

cách chi kỳ diệu khác. Trước tiên, hành giả cần phải *lần chuỗi* và đếm số, niệm niệm rành rẽ rõ ràng, mỗi ngày ấn định cho mình hoặc hai muôn, ba muôn cho đến mười muôn câu Phật hiệu và giữ khoá trình quyết định chẳng thiếu, thề một đời không thay đổi. Niệm như thế lâu ngày lần lần thuần thục mà không niệm vẫn tự niệm, chừng đến khi ấy thì đếm số hay không đếm số cũng được”.

“Và niệm như thế kèm theo Tín, Nguyện tha thiết mà không được vãng sinh, thì chư Phật ba đời đều mang lỗi nói dối. Khi đã sinh về Cực Lạc thì tất cả pháp môn đều hiện tiền”.

“Nếu ban sơ vì cầu cao và ý lại sức mình và lại muốn tỏ ra không trước tướng, muốn học theo lối viên dung tự tại, thì đó là tín nguyện chẳng sâu bền, hành trì không cố gắng cho hết sức. Dù có giảng suốt mười hai phần giáo, dù có giải ngộ một ngàn bảy trăm công án thì *đó cũng là cái việc ở bên bờ sinh tử này mà thôi*”.

Đệ tử chúng con thọ nhận ơn lành cao cả của mười phương chư Phật đồng hộ niệm, đồng

gia bị, cho nên chúng con được làm thân người, được gặp Thiện tri thức, được nghe giáo pháp thậm thâm vi diệu của Đại thừa. Nhờ sự giáo huấn của đức Bản Sư Thích Ca Mâu Ni bằng tâm đại Từ Bi, đại Trí Tuệ, Ngài đã mở bày pháp môn Niệm Phật và dạy chúng con đặt trọn niềm tin vào bản nguyện cứu độ của đức A Mi Đà Phật ở cõi Cực Lạc phương Tây. Nhờ sự tiếp dẫn vô điều kiện bằng oai lực tuyệt đối bất khả tư nghì của đức Từ Phụ, chúng con dốc hết lòng thành mà niệm Phật phát nguyện cầu sinh Cực Lạc.

Bởi vì chúng con nhận thức rằng: “*Niệm Phật phải hành trì cho thiết thực*, cho nên kể từ ngày nay cho đến ngày ngồi trên đài sen của ao thất bảo, đệ tử chúng con nguyện sẽ luôn luôn niệm Phật chuyên cần và chắc thật, để sớm được vãng sinh, để khỏi phụ ơn dạy dỗ của đức Bản Sư, để khỏi phụ ơn cứu độ của đức Từ Phụ A Mi Đà, để mau thành Phật, để chóng hoàn thành sự nghiệp độ sinh đúng như bản hoài của chư Phật và sở nguyện của mình”.

Ngưỡng nguyện mười phương Tam Bảo, ngưỡng nguyện đức Từ Phụ A Mi Đà Phật cùng chư vị Pháp thân Bồ Tát, xin đem năng lực bản nguyện, năng lực đại thần thông, năng lực đại trí tuệ mà thương xót chúng con, giúp cho chúng con cùng hết thảy chúng sinh *luôn luôn niệm Phật bằng lòng tin sâu chắc, bằng chí nguyện vững bền* để cùng về Cực Lạc, cùng chúng Pháp thân, cùng viên thành quả vị Phật Đà vô thượng.

Chúng con lại phụng vì cha mẹ, anh em, bà con, bạn hiền, bạn ác, phụng vì bốn vị Thiên Vương hộ vệ thế gian, phụng vì liệt vị Hộ Pháp, Thiên thần, phụng vì hết thảy chúng sinh khắp trong sáu nẻo, mà quy y và đảnh lễ chư Phật, chư Tôn Pháp, chư Bồ Tát Thánh Hiền Tăng khắp cả mười phương cùng tận hư không giới.

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật .

Nam mô A Mi Đà Phật.

Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát.

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát.

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.

PHẨM THỨ SÁU NIỆM PHẬT PHẢI DỨT TRỪ PHIỀN NÃO

Đã là phàm phu thì chắc hẳn còn ở trong vòng phiền não, bị phiền não làm cho mê hoặc và sai khiến, cho nên nhiều lúc con người không thể tự chủ được.

Phiền não có nghĩa là khuấy động và thiêu đốt làm cho tâm niệm không yên, ngăn trở bước hành trì nên còn gọi là phiền não chướng. Pháp thân tuệ mạng của chúng con bị phiền não phá hại, nên còn gọi là phiền não ma.

Có những Phật tử tuy ăn chay, bố thí tụng kinh, niệm Phật nhưng chỉ chú ý về hình thức, không quan tâm đến việc dứt trừ phiền não và vọng duyên, nên dù có tụng kinh và niệm Phật thế nhưng tâm tư vẫn chưa được thanh tịnh bởi lẽ phiền vọng tăng lên một phần thì đạo tâm phải thoái lui một bước. Tóm lại, người tu Tịnh nghiệp ngoài phương diện niệm Phật, trì chú, tụng kinh sám hối, còn phải đặt nặng vấn đề “Khai Tâm”.

Mà muốn cho tâm sáng suốt để giúp kết quả niệm Phật mau thành tựu, sớm sinh về Tây Phương thì phải dứt trừ phiền não.

---o0o---

TR DI T THAM LAM VÀ SÂN HẬN

Các phiền não về Tham không ngoài sự đắm nhiễm ngũ dục là: sắc đẹp, tiền của, quyền danh, ăn mặc, ngủ nghỉ. Từ đó phát sinh ra các chi tiết khác là: bõn sẻn, ganh ghét, giả dối, lường gạt... Cách đối trị tổng quát là phải niệm Phật chuyên cần và luôn luôn cầu nguyện oai lực của đức A Mi Đà giúp ban thêm nhiều sức mạnh để dứt trừ tâm tham nhiễm.

Trong các loại phiền não thì Sân hận là thứ phiền não có tướng trạng rất thô bạo và phá hoại sự nghiệp hành trì một cách nặng nề nhất. Người xưa đã bảo rằng: “Nhất niệm sân tâm khởi, bách vạn chương môn khai”, có nghĩa là khi khởi một niệm giận hờn tức là đã mở ra muôn ngàn cửa chương ngại.

Chẳng hạn như lúc đang niệm Phật chợt tưởng đến người ngoài bạc ác, khắc nghiệt, xấu xa, đối đãi với mình nhiều điều không tốt, hoặc

nhớ lại việc người thân cận phản phúc gây rối làm khổ mình, liền buồn giận bứt rứt không an. Từ nơi tâm trạng đó, miệng tuy niệm Phật nhưng trong lòng rất phiền muộn, để vọng tưởng dấy lên sôi nổi. Có người bỏ cả chuỗi hạt không muốn niệm nữa nằm xuống gác tay lên trán suy nghĩ vẩn vơ. Có kẻ lại buồn tức đến quên ăn bỏ ngủ, muốn gặp ngay người đó để hét la ầm ĩ một hồi hoặc tìm cách trả thù cho đã giận. Tâm niệm sân hận nó phá hoại người tu đến như thế.

Muốn đối trị giận hờn, phải khởi lòng Từ Bi. kinh Pháp Hoa dạy rằng: Lấy đại

trước hết, vì chính ta tự nổi lửa phiền não để thiêu đốt tâm can của mình mà rồi cũng không thể cải hoá và làm lợi lạc chi cho người khác cả. Như thế có phải là si mê vô ích chăng?

Lại nên nghĩ rằng: “Người kia có hành động xấu ác, làm tổn hại cho ta thì thật ra họ cũng chỉ vì mê muội nên mới gây ra cái nhân tố xấu ác, chắc chắn về sau họ sẽ phải gặt hái quả báo khổ sở. Vậy thì họ đáng xót thương hơn là đáng giận, bởi vì nếu họ sáng suốt, thông hiểu nguyên lý tội phúc, chắc không khi nào họ lại dám làm điều ấy. *Ta là người niệm Phật thì phải áp dụng giáo lý của đức Thế Tôn, để tự cởi mở sự ràng buộc oan trái ấy, vì mục đích của đời mình là sự an lạc chứ không phải là sống để khổ sở vì kẻ khác một cách vô lối như vậy*”.

Đối với hành động tàn hại của họ, ta phải xót thương và tha thứ, nhu hòa nhẫn chịu, rồi xét mọi việc đều hư huyễn, không thật. Nên răn nhắc chính mình bằng giáo huấn: “*Lửa sân si tam độc, đốt hết rừng công đức, muốn hành Bồ Tát đạo, giữ thân tâm nhẫn nhục*”.

Từ Bi là nước tịnh mát mẽ, rưới lửa phiền não, nhẫn nhục là áo giáp bền chắc ngăn che tất cả mũi tên độc. Pháp “Không” là ánh sáng phá tan khói mù tối tăm. Nếu biết dùng ba điều này để dứt trừ sân hận tức là đã vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai và ngồi toà Như Lai vậy.

---o0o---

PH I ĐO N TUY T PHI N NÃO TH PHI

Hạng phạm phu vì chưa chứng vào chân tâm bình đẳng và còn ranh giới giữa ta và người, nên trong đời sống, sự hơn thua, phải quấy, khen chê có đến muôn ngàn và không một ai tránh khỏi. Dù cho chư Phật, chư Bồ Tát vì lòng đại bi mà thị hiện giữa cõi trần để độ sinh, cũng phải chịu cảnh thị phi thương ghét.

Những sự thị phi làm cho người niệm Phật, nếu không sáng suốt bình tĩnh, nhiều khi phải xao động mà phát sinh phiền não, gây chướng ngại cho việc hành trì.

Muốn dứt trừ tâm thị phi, cần phải:

Thứ nhất: Phải xét sửa lỗi mình, đừng nhìn nói lỗi người. Là phạm phu, ai cũng thích lời khen,

ghét tiếng chê và ưa bới móc điều dở của người, không dè mình cũng nhiều lỗi lầm, chẳng có chi là tốt đẹp. Cho nên nguyên tắc của người niệm Phật là *phải luôn luôn tự phản tỉnh, xét sửa lấy mình, đừng nên nhìn và nói đến lỗi lầm của kẻ khác*. Xét sửa lỗi mình thì càng ngày càng sáng, còn nhìn nói lỗi người tất càng gây việc trái oan.

Thứ hai: Khi bị sự thị phi khinh báng, nên an nhẫn mà niệm Phật nhiều hơn, chứ đừng tìm cách biện minh. Ví như tờ giấy trắng bị vết mực làm lem, thì ta cứ để yên, nó chỉ dơ một chút đó rồi lần lần phai nhạt, nếu lấy đó lau chùi tất sẽ hoan ô toàn diện. Bởi khi việc khinh báng xảy ra, nếu hiện tại mình không sai quấy, tất kiếp trước cũng lỗi lầm, nên đời nay phải chịu quả báo. Giả sử kiếp trước mình không có biệt nghiệp trực tiếp gây nên lỗi, thì cũng do cộng nghiệp tội ác mới cùng sinh ra trong chốn ngũ trược này.

Thứ ba: Người niệm Phật phải giữ vững lập trường, tin chắc nhân quả và đừng xao động vì tiếng hay dở bên ngoài. Kinh Pháp Cú dạy: Ngọn núi cao đứng vững giữa cơn giông tố, người chân chính an nhiên giữa tiếng thị phi.

Tất cả tiếng khen chê bên ngoài không làm cho ta tốt hay xấu, siêu hay đọa mà tốt xấu siêu đọa đều do nơi ta. Nếu ta gây nhân tố lành thì dù người có khinh là xấu xa, tội ác nhưng ta vẫn được siêu thăng. Trái lại, nếu ta gây nhân tố xấu ác thì tuy người khác quý trọng ngợi khen, nhưng ta vẫn phải chịu đọa lạc.

Đức Lục Tổ Huệ Năng dạy rằng:

Nếu là bậc chân tu

Không thấy lỗi của đời

Nếu như thấy lỗi người

Mình chê là kém dở

Người quấy, ta đừng quấy

Ta chê, tự có lỗi

Muốn phá tan phiền não

Hãy trừ tâm thị phi

Thương ghét chẳng để lòng

Nằm thẳng đôi chân nghi.

PH I TR DI T M I C N NGU N SI MÊ

Người niệm Phật đôi khi đối với sự lý của mọi vấn đề mà chưa hiểu rõ ràng, rồi từ đó dẫn sinh tất cả điều mê hoặc khiến cho tâm niệm không yên ổn. Đó là lúc nghiệp si nổi lên phá hoại chính kiến của mình.

Chẳng hạn như trong khi đang hành trì, thoát nhớ có kẻ nói rằng: “Phải niệm chừng nào nhất tâm bất loạn mới được vãng sinh, nay xét mình khó thực hành đến trình độ ấy, e uổng công phu bấy lâu nay nỗ lực, rồi sinh ý tưởng phân vân, đó là hiện tượng của nghiệp Si”.

Thật vậy, Si mê là nguồn gốc của tất cả phiền não, Tham và Sân đêy do Si mà phát khởi, còn Mạn, Nghi và Ác kiến cũng đều do Si mà ra.

Như khi khởi niệm: “Sự hành đạo siêng nhọc của ta thì chưa chắc người xuất gia đã bằng được, đó là Ngã mạn phiền não”.

Lúc niệm Phật bỗng sinh ra ý nghĩ: “Cõi Cực Lạc trang nghiêm như vậy, còn mình thì nghiệp dày phúc mỏng, làm sao mà vãng sinh được?”. Đó là Nghi phiền não.

Ác kiến là sự thấy hiểu cố chấp xấu ác, gồm có năm điều: Thân kiế
 ế,

lạc của mình và không chịu lấy Chính giáo để soi chiếu sự hành trì, cũng như hướng dẫn đời sống của mình.

Hoặc lại suy nghĩ: “Bên đạo khác họ đâu kiêng cử sát sinh mà vẫn cầu về Thiên Đường cũng như mình cầu về Cực Lạc, vậy cần chi phải giữ giới sát?”. Đây là Giới thủ kiến, tức là sự hiểu biết lầm lạc về Giới Pháp.

Tóm lại mà nói, thì hình thức của nghiệp Si

nửa nghiệp thiện ác, thì chắc chắn có tam đồ thuộc nhiều nghiệp dữ và còn có các cõi Trời thuộc nhiều nghiệp lành. Và như thế thì phải *chắc chắn có cõi Cực Lạc do nguyện lực thuần thiện của Phật và do công đức lành của chư Bồ Tát cùng những bậc thượng Thiện nhân*”.

Thứ hai: Thánh Ngôn Lượng là giá trị lời nói của Phật và Bồ Tát trong các kinh luận. Phải biết, đức Thế Tôn đã dùng tịnh nhãn thấy rõ Y báo và Chính báo của cõi Cực Lạc rồi diễn tả cảnh giới ấy trong các kinh điển Tịnh Độ. Các bậc đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền đều ngợi khen cõi Cực Lạc và khuyên chúng sinh nên cầu vãng sinh.

Người niệm Phật chỉ quyết sống theo lời Phật dạy thì cũng phải hành trì theo lời Phật dạy. Nếu không lấy lời dạy của Phật mà làm mục thước, thì lấy gì để tin?

Thứ ba: Hiện Chứng Lượng là lời tìm hiểu do sự thấy biết trực tiếp hay sự chứng nghiệm thực tế để mà phát khởi lòng tin. Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục đã chứng minh rất nhiều người đã niệm Phật mà vãng sinh. Và ở Việt Nam cũng

có nhiều Phật tử niệm Phật rồi được về Cực Lạc với những bằng chứng cụ thể.

---o0o---

CÁCH GI I TR PHI N NÃO

Tóm lại, các loại phiền não của tham, sân, si đều biểu hiện dưới nhiều hình thức không thể tả xiết, nhưng vẫn có bốn điều căn bản để đối trị tổng quát:

1. DỪNG TÂM Đ Đ I TR

Người mê với bậc giác ngộ chỉ có hai điểm sai biệt: tịnh là chư Phật và nhiễm là chúng sinh. Chư Phật do thuận theo tịnh tâm nên giác ngộ và có đủ trí tuệ cùng thần thông. Còn chúng sinh bởi tùy nơi trần nhiễm nên mê hoặc mà bị sống chết luân hồi.

Người niệm Phật với mục đích duy nhất là đi thẳng vào cảnh giới Định, Tuệ để giác ngộ bản tâm, chứng lên Phật quả. Vậy trong khi niệm Phật nếu thấy bất cứ một ý niệm vọng động nào khác nổi lên thì phải diệt trừ ngay lập tức và trở về với tịnh tâm. Đây là cách dùng Tâm để đối trị.

2. DỪNG LÝ Đ Đ I TR

Nếu khi vọng niệm nổi lên mà dùng tâm ngăn trừ không được thì phải dùng cách quán xét lý bất tịnh phân tích giáo nghĩa Khổ đế, nhìn thẳng vào thực tế Vô thường và suy niệm về chủ đề Vô ngã của vạn hữu. Hoặc triển khai sự tác dụng của tứ vô lượng tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả.

3. DỪNG S Đ Đ I TR

Có khi phải dùng hình thức để đối trị mới có hiệu quả, như phải lần tránh các duyên có thể gây ra phiền não, hoặc phải chịu khó ngoảnh mặt làm lơ trước những hoàn cảnh có thể đưa mình đến chỗ đáng tiếc, hoặc tự buộc mình vào một thứ kỷ luật nào đó. Hoặc tự tạo điều kiện riêng để dẫn phiền não cho đến khi phiền não phai nhạt hẳn.

4. DỪNG BÁI SÁM Đ Đ I TR

Các việc lễ lạy, sám hối, trì chú tụng kinh, phải giữ song song với việc niệm Phật cho đều đặn, thì có năng lực diệt trừ tội nghiệp, phát sinh phúc tuệ. Cho nên, muốn xa lìa phiền não thì không có chi hơn là phải lễ lạy, sám hối thường

xuyên. Nếu bền bỉ và chí tâm thì trên đời không có việc gì mà không thành tựu.

Đệ tử chúng con kể từ vô thủy cho đến ngày nay, vì vô minh khuất lấp, vì phiền não dấy động, nên đã đánh mất chính kiến mà xa rời bạn hiền, gần gũi bạn ác mà chối bỏ ánh sáng trí tuệ, từ bi của Tam Bảo, mà quay lưng trước bản nguyện A Mi Đà. Ngày nay, nhờ sự nhiếp thọ của đức Từ Phụ, nhờ sự giáo huấn của đức Bản Sư, nhờ sự khai thị tận tình của Thiện tri thức cho nên chúng con đã biết rằng: “*Niệm Phật thì phải đoạn trừ phiền não*”. Vì vậy, giờ đây với tấm lòng tri ân tha thiết và chí thành, đệ tử chúng con xin đem cả tính mạng mà quy y và đảnh lễ:

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

*Nam mô A Mi Đà Phật, vị Đạo sư tiếp dẫn
vãng sinh Cực Lạc.*

Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát.

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát.

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.

PHẨM THỨ BẢY

NIỆM PHẬT PHẢI THỰC CHỨNG BẰNG KINH NGHIỆM CỦA BẢN THÂN

Muốn được vãng sinh thì cần phải niệm Phật cho được nhất tâm bất loạn, nhưng các hành giả đời nay có mấy ai đi đến trình độ ấy. Thế thì công phu trì niệm một đời không lẽ trở thành luống uổng hay sao?

Thật ra, niệm Phật đến trình độ nhất tâm bất loạn chỉ là sự khuyến tấn hay là mức kỳ vọng mà các hành giả có thể đạt đến. Nhưng phải luôn ghi nhớ rằng pháp môn Niệm Phật có điểm đặc biệt là: *“Bậc thượng căn thì đạt đến mức một lòng không loạn ngay trong đời sống; còn bậc hạ căn thì chỉ cần mười niệm cũng được vãng sinh”*.

Cho nên, vấn đề *nhất tâm bất loạn được vãng sinh* là nói ngay khi lâm chung, không phải là chỉ cho lúc hiện tiền.

Được mười niệm không loạn lúc sắp mãn phần, thật ra, không phải là chuyện dễ dàng. Vì khi sắp lâm chung có một sức nghiệp do từ đời

này hoặc từ kiếp trước phát hiện, gọi là *Cận tử nghiệp*. Nếu lúc bình thường không cố gắng niệm Phật cho thuần thục thì khi sắp chết bị sức cận tử nghiệp lấn át, khiến chính niệm không thể hiển lộ, do đó tâm thức tùy theo nghiệp lực mà rối loạn. Như thế thì làm sao mà vãng sinh Cực Lạc thì đệ tử chúng con phải hành trì đúng theo Sự và Lý của pháp môn Niệm Phật mới thực chứng nhiều kinh nghiệm tâm linh.

Thế nào gọi là Sự và Lý?

Lý là lẽ phải, là điều suy luận, là cảnh giải ngộ, thuộc về phần Tính. Sự là phương tiện, là công hạnh, là hình thức thuộc về phần Tướng.

Tuy nhiên, đi đến chỗ cùng cực thì Sự tức là Lý, Tính tức là Tướng, đồng một thể Như Thật tròn sáng, dung thông. Trên đường hành trì thì Lý và Sự làm trong ngoài cho nhau, phối hợp cho nhau, giúp đỡ lẫn nhau để thành tựu Phật đạo.

Có Lý thì việc mới có căn cứ cương lĩnh, có mục tiêu để sinh khởi và tác dụng. Có Sự thì Lý

mới thực hiện được điều suy luận, chứng minh được chỗ lý giải, đi đến mục tiêu và cuối cùng đạt lấy kết quả.

Lý như đôi mắt để nhìn đường đi còn Sự thì như đôi chân để tiến bước. Không có chân thì dù cặp mắt có sáng tỏ bao nhiêu đi nữa, cũng chẳng thể nào đi đến nơi đến chốn. Lại nữa, có Lý mà không có Sự thì như người có họa đồ biết đường lối mà chẳng chịu bước đi. Còn có Sự mà không có Lý thì như kẻ tuy bước đi nhưng thiếu hướng đạo cho nên lộ tuyến mê mờ.

Vừa có Lý vừa có Sự thì như đã ~~thông~~ suốt đường lối, lại vừa chịu khó cất bước hành trình.

Kinh điển của Phật để lại cũng như các lời khai thị của Thiện tri thức chính là *lộ trình đích xác* cho chúng con, chúng con chỉ nương theo đó mà tiến bước hành trì.

Có Sự nghĩa là có hành trì mà thiếu phần lý giải, thật ra chẳng đáng lo ngại, vì càng hành trì thì trí tuệ càng khai thông và để rồi đi đến chốn tỏ ngộ. Đáng thương thay cho những kẻ tuy hiểu Lý, nhưng không chịu thực hành mà chỉ ngồi nói suông và chỉ trích suông. Dù có đàm huyền luận diệu thao thao bất tuyệt mà suốt đời vẫn chẳng tiến bộ nửa bước.

Cứ sự thực mà nói thì người thiếu Sự cũng quyết định không có Lý. Vì sao như vậy? Vì như kẻ đã biết nhà cháy mà không chịu chạy thoát cứ vẫn mãi ngồi yên thì nào có khác chi kẻ không biết gì cả! Do vậy mà có thể nghĩ rằng: Phật pháp có thể cứu độ hạng người mà thế gian cho là ngu dốt, chẳng thông một chữ, nhưng không thể hiện cách thức để cứu độ những kẻ tự hào là thế trí biện thông mà lại không chịu hành trì.

Dù kẻ lười thông tam Tạng song chẳng thực hành, thì chắc chắn nghiệp từ vô thủy vẫn còn y nguyên, cho nên sự tri giải ấy vẫn là vô dụng. Sao cho bằng một bà lão đốt nát nơi nhà bếp. Mặt mày lem lọ nhưng thường luôn chuyên cần niệm Phật thì ngày kia tâm yên không loạn, ngồi ngự đài sen? Do vậy, kẻ suốt đời chỉ cầu sự thông hiểu trên danh tướng lý luận để mong trở thành một vị bác học về Phật pháp, mà không thiết thực tu hành, tất phải lâm vào cảnh kẻ thức ăn ngon mà mình chịu đói, đêm tiền của kẻ khác mà mình vẫn nghèo nàn, kết cuộc vẫn hoàn toàn vô bổ. Nhà Phật đã ví những kẻ ấy như là người điếc khảy đàn cho đại chúng nghe, như là kẻ quấy gánh đi khắp nơi rao bán đủ thứ thuốc hay, nhưng quên hẳn mình đang mang nhiều chứng bệnh.

Thế nào gọi là Sự Trì và Lý Trì?

Ngài Ngẫu Ích Đại sư dạy rằng: “*Sự Trì* là tin có cõi Cực Lạc và Phật A Mi Đà mà chưa thông đạt cái “*Tâm này là Phật – Tâm này làm Phật*” mà chỉ quyết định cầu sinh Cực Lạc tha thiết ức niệm như con nhớ mẹ không lúc nào tạm quên”.

“*Lý Trì* là tin hiểu Phật A Mi Đà ở Tây Phương do tâm ta sẵn đủ, do tâm ta tạo nên, đem câu hồng danh sẵn đủ và tạo nên của tâm mình làm cảnh buộc niệm, chẳng giây phút nào xao lãng”.

Đối với môn Niệm Phật thì duy bậc thượng căn trí tuệ mới dung thông tính tướng, hiểu đến chỗ tận cùng. Bằng không được thể thì *thà chấp tướng mà tu hành, càng chấp lại càng mù nhiệm*. Bởi vì càng chấp sự tướng thì chí nguyện cầu vãng sinh lại càng thiết tha và khi đã về Tây Phương lo gì mà không chứng ngộ Thật Tướng?

Vấn đề Sự và Lý, Tính và Tướng nói ra vẫn không cùng tận, nhưng nếu *hiểu được một thì sẽ hiểu tất cả*.

Thế nào là Sự Nhất Tâm?

Người niệm Phật phải thiết thực dụng công, trong thì tuyệt hẳn các tướng thị phi nhân ngã, không thấy có thân tâm; ngoài thì dứt bật các tướng sắc không, lục trần, chẳng còn thấy có cảnh giới, *duy chỉ có một câu Phật Hiệu rành rọt hiện tiền mà thôi*. Khi hành giả chỉ chuyên tâm

chú ý vào sáu chữ hồng danh thì lâu ngày tất cả các tạp niệm đều dứt bật, trong tất cả các cử động đi đứng nằm ngồi duy chỉ có một câu Phật hiệu hiện tiền, đây gọi là cảnh giới Sự Nhất Tâm, được Nhất Biến thượng nhân khai thị như sau:

Khi xưng niệm danh hiệu

Không Phật cũng không Ta

Chỉ có:

A Mi Đà Phật

A Mi Đà Phật.

Đây là cảnh giới Định, Tuệ của người niệm Phật, tương tự với trạng thái nhập thiền của người hành thiền.

Thế nào là Lý Nhất Tâm?

Vượt qua mức độ Sự Nhất Tâm, nếu tiến thêm một bước, dụng công đến chỗ chí cực thì ngày kia tâm địa rộng suốt thoát hẳn căn và trần mà ngộ vào Thật Tướng. Khi ấy hiện tại tức là Tây Phương mà chẳng ngại gì riêng có cõi Cực Lạc, khi ấy tự tính mình chính là A Mi Đà Phật

mà cũng chẳng ngại gì riêng có đức Phật A Mi Đà. Đây là cảnh giới Lý Nhất Tâm của người niệm Phật, địa vị này là Định Tuệ nhất như, tương tự trình độ khai ngộ của người hành Thiền Quán.

Ngài Ngẫu Ích dạy rằng: “Không luận sự trì hay lý trì, nếu cứ niệm Phật sao cho đến chỗ hàng phục phiền não để Kiến hoặc và Tư hoặc không khởi hiện, đó là cảnh giới Sự Nhất Tâm. Không luận sự trì hay lý trì, nếu cứ niệm Phật đến chỗ tâm khai và thấy rõ bản tính Phật của mình, đó là cảnh giới Lý Nhất Tâm”.

Sự Nhất Tâm thì không bị Kiến hoặc, Tư hoặc làm loạn, còn Lý Nhất Tâm thì không bị nhị biên làm loạn.

Chẳng nói chi đến Lý Nhất Tâm, với trình độ Sự Nhất Tâm thì người đời nay phải thâm tín lời Phật dạy và nỗ lực hành trì, mới mong thấu đạt được. Tuy nhiên, với công đức của câu niệm Phật cộng thêm tấm lòng cung kính chí thành, thì trong mỗi niệm sẽ diệt được một phần vô minh, tăng thêm một phần phúc tuệ, lần lần đi tới cảnh

giới thanh tịnh. Và cứ hành trì lâu ngày như thế, lo gì không tiến đến chỗ mỗi niệm khai ngộ, mỗi niệm thâm nhập cảnh giới Định Tuệ nhiệm màu.

Trong bộ luận Đại Thừa Khởi Tín, sau khi kết hợp tinh yếu của pháp Đại Thừa và trình bày xong các đường lối tu tập, Ngài Mã Minh Bồ Tát dạy rằng: “Cõi Sa Bà phiền não cang cường, nên chính tín khó vững, lại không được thường xuyên gặp Phật nghe Pháp, mà đường tu lại nhiều hiểm nạn chướng duyên. Nên biết rằng, đức Như Lai có phương tiện thù thắng dạy cầu sinh về cõi Cực Lạc ở Tây Phương, nếu chuyên tâm niệm Phật A Mi Đà rồi đem công đức hồi hướng, thì sẽ được Phật đón rước về thế giới Cực Lạc, được luôn luôn gặp Phật nghe Pháp và chẳng còn bị thoái chuyển. Nếu hành giả y theo đường lối này mà tu tập thì quyết định sẽ vào Chính Định Tu. Như vậy, chuyên tâm niệm Phật là phương tiện nhiệm màu để thoát khỏi ma chướng và mau thành tựu Định Tuệ”.

Chỉ có sự chuyên tâm là cách thức duy nhất để thực chứng pháp môn Niệm Phật bằng kinh

nghiệm tâm linh của bản thân. Vì sao vậy? Bởi vì đối với người khát khao giải thoát thì chỉ có kinh nghiệm tâm linh mới là đáng quý nhất mà không có một thứ gì có thể đánh đổi được.

Đệ tử chúng con nhờ sự dẫn dắt của đức Bản Sư, nhờ sự nhiếp thọ âm thầm của đức Từ Phụ, nhờ sự hộ niệm của mười phương chư Phật, mà hôm nay mới biết rõ rằng *Niệm Phật thì phải thực chứng bằng kinh nghiệm bản thân*, cho nên chúng con xin đem cả tấm lòng tri ân tha thiết chân thật, mà quy lễ và đỉnh lễ:

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam mô A Mi Đà Phật.

Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát.

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát.

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.

---o0o---

PHẨM THỨ TÁM
NIỆM PHẬT PHẢI BỀN LÂU
KHÔNG GIÁN ĐOẠN

Niệm Phật muốn giữ được tinh tấn bền lâu thì phải có lập trường vững chắc. Lập trường đó là nhớ đến mục đích hành trì của mình, bao nhiêu việc làm ngày hôm nay đều là nỗ lực hướng đến giải thoát sinh tử hoàn thành địa vị Phật Đà để tự độ, độ tha cho ngày sau.

Triệt Ngô đại sư dạy rằng: “Cương yếu của Pháp môn Niệm Phật chỉ bao gồm trong mười sáu chữ sau đây:

Thật vì sinh tử

Phát Bồ Đề tâm

Lấy tín nguyện sâu

Trì danh hiệu Phật”.

Loài người ở cõi Sa Bà uest độ này nếu chỉ tu Ngũ giới, Thập thiện và các điều lành khác, mà không niệm Phật thì cùng Phật vô duyên. Vì không duyên với Phật, nên các chủng tử vô lậu

trong A đà na thiếu cơ năng để dẫn phát. Cho nên dù tu các nghiệp lành, thì nhiều lắm cũng chỉ sinh lên cõi Trời chứ không được về Tịnh Độ. Tuổi thọ ở các cõi Trời tuy lâu dài nhưng vẫn có hạn lượng, khi phúc báo chấm dứt thì sẽ tùy nghiệp mà sa đọa trong ba đường dữ.

Chúng sinh do ngã chấp làm gốc và từ ngã chấp mà khởi tạo các nghiệp nhân lành hoặc dữ, nên sau đó thì tùy theo sự thành thực của mỗi loại chủng tử mà phải chịu luân hồi. Trong kiếp luân hồi thì nghiệp ác rất dễ tạo, mà duyên lành thì khó tu, nên thời gian đọa xuống các ác đạo lại rất ngắn. *Tất cả các chúng sinh nếu không về Tịnh Độ của chư Phật thì tất phải ở uế độ.* Đã ở uế độ thì với hoàn cảnh xấu ác, nhiều chướng duyên và với căn cơ con người thời mạt pháp chắc chắn sớm hay muộn cũng phải đọa ác đạo. *Và muốn sinh về Tịnh Độ của Phật thì tất phải niệm Phật.*

Niệm Phật quả thật là pháp môn thuộc về *Đại thừa viên đốn.*

Nói Đại thừa vì pháp này lấy niệm Phật làm nhân tố tiên tu và lấy địa vị toàn giác làm quả chứng.

Nói là Viên, vì môn này nhiếp trọn cả năm tông tám giáo, như các bậc cổ đức đã phê luận.

Nói là Đốn, vì phương tiện này đưa từ hàng cụ phước phạm phu lên đến ngôi Bất Thoái Chuyển, từ bậc sơ học lên đến quả Vô Thượng Bồ Đề *rất thẳng tắt mau lẹ*.

Muốn cầu giải thoát thì đối với niệm Phật phải xem là điều tất khẩn yếu và bắt gặp pháp môn này lúc nào thì phải thực hành ngay khi ấy, không nên chờ hẹn. Mạng sống con người rất ngắn ngủi, muốn phòng ngừa cơn vô thường chợt đến thì mỗi thời khắc phải gắng chăm niệm Phật, như thế, gặp giây phút cuối cùng mới khỏi bị bối rối tay chân.

Để niệm Phật cho được bền lâu, thì phải tùy theo tinh thần, sức khỏe và hoàn cảnh của mình mà tự đặt ra thời hạn rồi lần lần tăng tiến. Trong đời sống, người niệm Phật phải gồm có đủ hai hình thức hành trì, đó là Định Thời và Không Định Thời.

Định Thời là mỗi ngày đều phải có thời khoá nhất định, lại nên ghi số là bao nhiêu câu Phật hiệu.

Không Định Thời là ngoài các thời khóa kể trên, trong lúc đi đứng nằm ngồi đều phải niệm thầm, nhưng niệm thả và không ghi số. Điểm cốt yếu là dù niệm chậm hay mau cũng phải rành rõ ràng, tâm bắt kịp tiếng, tâm và tiếng đều phải dung hòa nhau. Cứ như thế, niệm lâu ngày thuần thục nên sức niệm mau dần và niệm được nhiều hơn.

Muốn niệm Phật cho được nhiều thì phải chuyên cần tập luyện bằng cách:

- *Phải ngồi mà niệm:* Mặc dù đi hay đứng đều có thể niệm Phật, nhưng muốn niệm cho mau mà vẫn nghe rõ ràng sáu chữ, thì nên ngồi mới thích hợp.

- *Nên dùng chuỗi nhẹ* và lấy mười câu danh hiệu làm một đơn vị.

- *Niệm rõ ràng từng tiếng:* A Mi Đà Phật hoặc Nam Mô A Mi Đà Phật với tâm lòng chí thành và cung kính.

- *Vừa niệm thầm vừa niệm ra tiếng luân phiên thay đổi nhau:* Niệm thầm thì ít mệt, nhưng dễ hôn trầm, niệm lớn tiếng thì có tác động lớn lao cho sự phát tâm nhưng lại mau mệt.

Tuy nhiên, phải luôn luôn ghi nhớ điểm căn bản của sự niệm Phật là: *câu niệm rành rẽ, rõ ràng và tâm cùng tiếng phải dung hòa nhau*. Chớ có vội cầu nhiều mà thành ra niệm dối. Không nhất thiết phải đạt cho được định tâm, mà vấn đề chính yếu là *bền lâu, không gián đoạn thì dù có tán tâm dần dần cũng sẽ chuyển thành định tâm*. Người tuy tạp niệm có nhiều, nhưng chịu khó niệm bền lâu, tất cả sẽ trở thành chính niệm.

Mặc dù con đường thực hiện tâm linh còn có nhiều hiểm trở khó khăn nhưng đệ tử chúng con vẫn nhận thức rằng *chông gai nào cũng phải bị khuất phục trước sự kiên gan của con người*. Cho nên trong niềm tin tuyệt đối vào lời Phật dạy, trong ước nguyện phó thác cuộc đời mình cho bản nguyện A Mi Đà, trong khát vọng trở về quê hương Cực Lạc, đệ tử hôm nay đối trước mười phương Tam Bảo xin chân thành đỉnh lễ khẩn cầu chư Phật cùng chư vị đại Bồ Tát thương xót đến chúng con mà ban thêm nhiều năng lực để chúng con luôn luôn ghi nhớ rằng: *Niệm Phật phải bền lâu không gián đoạn để hoa sen báu bên Liên Trì mãi mãi thắm tươi*.

Đệ tử chúng con xin đem cả tính mạng mà quy y và đảnh lễ:

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam mô A Mi Đà Phật.

Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát.

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát.

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.

---o0o---

PHẨM THỦ CHÍN NIỆM PHẬT PHẢI AN NHÃN CÁC CHƯỚNG DUYÊN

Còn đường hoàn thành Phật Đạo thật ra vẫn còn vô số chông gai thử thách, có muôn ngàn duyên nghiệp vẫn sẵn sàng khảo đảo đời sống của người hành trì cũng như gây nên rất nhiều chướng ngại trên bước đường tu tập. Những sự khảo đảo ấy có rất nhiều chi tiết sai biệt, được tóm tắt đại cương trong sáu phần sau đây:

Th nh t là n i kh o: Có người trong lúc tu tập bỗng khởi lên những tâm niệm tham lam giận hờn, dục nhiễm, ghen ghét khinh mạn, nghi ngờ, hoặc si mê, hôn trầm buồn ngủ. Những tâm niệm ấy đôi khi phát lộ rất mãnh liệt và gặp duyên sự nhỏ cũng dễ sinh ra bực mình. Nhiều lúc trong giấc mơ lại thấy các hình tướng thiện ác biến chuyển. Gặp cảnh này, hành giả phải ý thức đó là do công năng hành trì nên nghiệp chướng phát hiện. Ngay lúc đó nên giác ngộ tất cả các nghiệp tướng đều là huyễn hoá, phải nêu cao chính niệm thì tự nhiên các chướng ấy đều tiêu tan. Nếu

không nhận thức rõ ràng tất bị nó xoay chuyển và làm cho thối đọa.

Tiên đức dạy rằng: “Chẳng sợ nghiệp khởi sớm, chỉ e giác ngộ chậm”. Có người đang niệm Phật bỗng phát sinh tán loạn, mỗi nhọc khó cưỡng lại nổi, ngay khi ấy nên đứng lên đi lại hoặc lễ Phật kinh hành, hoặc tạm xả công phu lui ra đọc vài trang sách, chờ cho tâm tư thanh tịnh sẽ trở lại niệm Phật. Chớ nên cưỡng cầu, chớ nên tự ép buộc cho mau nhất tâm, nếu không càng cố gắng, lại càng rối loạn. Nếu thấy quá cô tịch thì phải phụ thêm bái sám, tụng kinh, trì chú. Đây chỉ là sự uyển chuyển trong lúc dụng công, để con đường hành trì trở nên dễ dàng và dễ chịu hơn.

Th hai là ngo i kh o: Đây là những nghịch cảnh thuộc về bên ngoài, làm chuyện khó khăn thối đọa cho hành giả, như sự nóng bức, ồn ào, ứ tập, hoặc ở chỗ giá rét buốt hay nhiều muỗi mòng, gặp những cảnh như thế này thì phải nên uyển chuyển, chớ đừng chấp mê theo hình thức của mình, mà phải nhẫn nại để cố giữ cho vững khoá trình trì niệm. Đừng bao giờ tỏ ra cái ý

mong cầu hoàn cảnh bên ngoài phải thuận theo lòng mình.

Th ba là ngh ch kh o: Trên đường hành đạo nhiều khi hành giả bị chướng duyên làm cho trở ngại. Có người bị cha mẹ, anh em, hay vợ chồng hoặc con cái ngăn trở, phá hại sự hành trì. Có người thì xác thân mang cố tật hoặc đau yếu mãi không lành. Có kẻ bị oan gia đeo đuổi ám hại. Hoặc có người bị vu oan, giá họa khiến bị tra tấn hay tù đày, hoặc bị ganh ghét bêu rao nhiều tiếng xấu xa làm cho lòng khó an, khó nhẫn.

Tất cả các việc ấy đều do sự tác động của nghiệp quá khứ hoặc nghiệp hiện tiền, mà muốn vượt qua thì hành giả phải ẩn nhẫn sám hối một cách kiên trì, chớ buồn phiền oán trách mà phải xem đó như là sự thử thách của đức A Mi Đà, để tôi luyện tín tâm của mình. Và điều cần yếu nhất là phải thường xuyên cầu nguyện sự gia hộ của chư Phật và chư Bồ Tát.

Th t là thu n kh o: Có người không gặp nghịch cảnh mà gặp thuận cảnh và cầu mong gì cũng được toại ý, những thuận cảnh ấy lại là

duyên ràng buộc chứ không phải duyên tiến tu. Đây là những cảnh thuận theo đời, quyến rũ người tu rồi lần lần dẫn đến các sự phiền toái khác làm mất cả đạo niệm.

Người ta chết vì lửa thì ít mà chết vì nước thì nhiều, cho nên trên đường hành trì thì thuận cảnh thật ra lại đáng sợ hơn nghịch cảnh.

Vì sao thế? Vì phần nhiều nghịch cảnh làm cho hành giả khổ đau nên sớm tỉnh ngộ và dễ thoát ly ý niệm tham đắm, đôi khi còn phần trí mà lo tu hành. Ngược lại, thuận cảnh làm cho con người âm thầm thoái đọa lúc nào không hay biết. Đến khi bừng tỉnh mới rõ mình đã lặn xa xuống dốc, khó mà cứu vãn cho kịp. Người xưa nói rằng: “Việc thuận tốt đến ba, mê lụy người đến già”. Cho nên, sự thử thách của thuận cảnh rất là vi tế và khó đối trị. Do đó cần phải chú ý.

Th n m là minh kh o: Đây là thử thách ngay trước mắt mà không chịu cảnh giác để tỉnh ngộ.

Chẳng hạn như có một vị tài đức không bao nhiêu, nhưng được nhiều người nịnh bợ, khen là

nhiều đức hạnh, có phúc lớn, rồi sinh ra tự kiêu, tự đắc, khinh thường mọi người làm những việc cần rữ, kết cuộc bị thảm bại, hoặc có một vị có đủ khả năng tiến xa trên đường đạo, nhưng bị kẻ khác cản trở, dọa nạt, khích bác, thuyết phục phải bỏ đạo, rồi sinh ra e dè lo sợ rồi thối thất lòng tin. Hoặc tự mình biết nếu tiến hành tham vọng nào đó thì sẽ rước lấy sự lỗi lầm, thất bại, nhưng vì si mê và tự ái, vẫn đeo đuổi theo cho đến khi thân bại danh liệt.

Hoặc có kẻ tuy biết các duyên bên ngoài chỉ là giả huyễn, nhưng vì định lực yếu kém, lòng tin lung lay, cho nên không buông bỏ được, rồi sau đó tự chuốc lấy sự buồn khổ.

Có nhiều người tuy có đức tin và có hành trì, nhưng tính tình quá nhẹ dạ, nên hay bị phỉnh gạt và hay bị lôi cuốn vào việc đòi cho đến nỗi thân bị mang lụy. Khi chưa diệt được lòng tham lam thì rất dễ bị người khác dùng tiền bạc, danh vọng, sắc đẹp lôi cuốn. Hoặc nếu nóng nảy và khí khái thì rất dễ bị người khác khích động mà gánh vác những việc phiền phức vào thân.

Đây là cạm bẫy của đời và cũng là của đạo, nếu không dè dặt thì sẽ vướng vào vòng chướng nghiệp, đối với những chuyện thử thách lộ liễu như thế, hành giả phải nhận định cho sáng suốt và phải quả quyết tiến theo ánh sáng của chính kiến mới vượt thắng được.

Th sáu là ám kh o: Đây là sự thử thách âm thầm không lộ liễu, mà hành giả nếu không khéo lưu tâm thì chắc chắn khó hay khó biết.

Có người ban sơ tinh tấn niệm Phật, rồi bởi gia kế lần lần sa sút, công việc làm ăn thất bại, cho nên sinh lòng trẽ nải sự tu. Có người công việc mưu sinh từ từ phát đạt, rồi ham mê lợi lộc mà xao lãng hành trì.

Có người vì thiếu sự cứu xét nội tâm nên phiền não ngày càng tăng thêm, lần lần sinh ra lười biếng kinh kệ.

Có người vì thời cuộc bên ngoài thay đổi, tuy sự sống vẫn đầy đủ nhưng nhà cửa nay đổi mai đời, tâm trí cứ hoang mang chướng ngại, bất giác bỏ quên sự trì niệm lúc nào không hay.

Trên đây, đều là ảnh hưởng diễn biến của nghiệp thiện ác. Nhưng có sức âm thầm lôi kéo hành giả, làm cho bê trễ sự tu học, nên gọi là “ám khảo”. Do vậy mà người niệm Phật phải lưu tâm, chú ý nhiều hơn nữa và phải luôn bái sám cùng cầu nguyện sự gia bị của chư Phật cũng như oai thần lực của chư vị Bồ Tát để được vượt qua những thử thách vi tế và âm thầm.

---o0o---

PH ỨNG TH Ứ C GI Ứ HOÁ CH Ứ NG DUY Ứ N

Vì biết trên đường tu có nhiều chướng ngại, cho nên ngày xưa, đức Đạt Ma Tổ sư đã chỉ dạy bốn phương châm để tiến đạo cho hàng đệ tử và những kẻ hậu học, đó là:

Th ứ nh ứ t Báo oán h ứ nh: Đệ tử chúng con từ vô thủy cho đến ngày nay, mỗi đời đều gây nợ nghiệp, hoặc là ân hoặc là oán, từ việc nhỏ đến việc lớn, nhiều đến số vô lượng vô biên. Tuy kiếp này đã có công phu tu tập tiêu trừ nghiệp nợ một phần nào, nhưng vẫn còn nhiều thứ nghiệp

phải bị đền trả. Phải an lòng nhẫn nại chịu đựng một cách bình thản chứ không nên oán trách hoặc buồn phiền, luôn luôn nhắc nhở đến luật nhân quả, nuôi lớn lòng tin và cầu nguyện đến hồng ân chư Phật.

Pháp Nhiên thượng nhân dạy rằng: “Muốn đời sống thanh thoát và cõi lòng an lạc thì hành giả chỉ nên chăm chú xưng niệm danh hiệu Phật, rồi đem tất cả cuộc đời mình giao phó cho bản nguyện A Mi Đà. Chỉ có như vậy thì mới không
ộttChồ

Nếu có gặp hoạn nạn, tật bệnh bất ngờ cũng không nên bối rối, mà chỉ nên niệm Phật nhiều hơn và nhớ quán sát ruộng vườn, nhà cửa, vợ con, đều là duyên giả tạm, không nên vì nó mà bận tâm. Được như vậy mới vững tiến trên đường về Cực Lạc.

Th ba X ng pháp h nh: Pháp chính là chân như pháp tính đối với người niệm Phật tu Tịnh Độ tức là niệm Phật tam muội.

Người tu Thiền, khi đi đứng nằm ngồi thì tâm phải xứng hợp với Pháp chân như, còn hành giả của pháp môn niệm Phật thì tâm lúc nào cũng phải an trụ trong câu niệm Phật

Chư vị Tổ sư đã dạy: “Nếu tạm thời không trụ nơi chính định, tức đồng thời như người đã chết. Bởi vì sao? Nếu không trụ vào câu Phật hiệu tức là tâm thức đã bị trần cảnh chiếm đoạt, và Pháp thân tuệ mạng cũng không còn”. Cho nên đệ tử chúng con quyết tâm luôn luôn an trụ trong câu niệm Phật để tâm tính lặng yên sáng suốt. Dễ cảm thông với Phật và ngay trong đời sống đã vãng sinh rồi, còn việc lâm trung được tiếp dẫn là chuyện của ngày sau.

Th t Vô s c u h nh: Đạo là chỉ cho tâm hạnh trong sạch không mong cầu việc gì. Bởi vì tất cả các pháp đều như huyễn, hễ sinh rồi diệt, diệt rồi lại sinh, có gì chân thật để mong cầu? Và lại, các pháp thế gian đều tương đối trong họa có phúc, trong phúc có họa, cứ ân nường nhau như thế, cho nên người niệm Phật phải bình thản, ở cảnh thịnh suy, họa phúc đều không động tâm.

Thí dụ: Có một tăng sĩ ở nơi am tranh vắng vẻ, sự sống hẩm hiu, ít người thăm viếng, thì duyên đòi tuy kém nhưng việc hành trì lại vững chắc. Ít lâu sau có người đến cúng dường, lần lần lập lên chùa lớn, tăng chúng đông đảo, chừng ấy phúc duyên tuy thịnh nhưng phần giải thoát lại suy kém, vì bận rộn với các việc bên ngoài nên xao lãng hành trì.

Hoặc có vị cư sĩ nọ có gia đình bần hàn nên kham nhẫn, giữ lòng tin mà tu niệm, bỗng nhiên gặp duyên may, có người giúp đỡ buôn bán, về sau việc làm ăn tấn tới thì không còn thì giờ để thực hiện nếp sống tâm linh.

Cho nên, nếu quán xét cho thật kỹ lưỡng, thì cái lẽ họa phúc đều là tạm bợ, và người niệm Phật đừng nên mong cầu gì hết ngay cả điều thiện cũng không ham, chỉ nên thường xuyên chặp chặt câu A Mi Đà Phật, còn ngoài ra các việc khác kể cả việc vãng sinh và thành Phật đều nên phó thác cho đức Phật A Mi Đà. Về mặt đời sống hàng ngày thì hãy nên dùng tấm lòng tri ân để cư xử với tất cả mọi người.

Đệ tử chúng con tự nghĩ mình vốn tội dày phúc mỏng, căn cơ hèn kém, lại sinh vào thời mạt pháp, cho nên cứ mỗi lần nhìn lại bản thân thì buồn tủi và hổ thẹn. Khi dấn bước vào khu rừng bát ngát mênh mông của Phật pháp thì vô cùng bỡ ngỡ không biết phải chọn lối đi nào, vì bất cứ lối đi nào cũng quá hiểm trở và xa xôi, mà khả năng của chúng con thì bị giới hạn bởi nghiệp chướng.

Hạnh phúc thay cho chúng con, đức Thế Tôn đã mở bi nghiệp triệt để và đã chỉ bày pháp môn niệm Phật để đưa chúng con lên bờ giải thoát. Với hành trang là câu A Mi Đà Phật, chúng con

manh mẽ bước lên con đường về Cực Lạc, nhưng những nghiệp nhân gieo từ quá khứ vẫn con đang tác động đến đời sống cùng tâm thức. Cho nên, chúng con mãi mãi khẩn cầu chư Phật, chư Bồ Tát ban cho chúng con đầy đủ năng lực, đầy đủ lòng yêu thương để chúng con luôn luôn tỉnh thức và ghi nhớ rằng: “Niệm Phật phải an nhẫn các chướng duyên như là yếu chỉ thứ chín của pháp môn niệm Phật”.

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam mô Đại Từ Đại Bi A Mi Đà Phật, vị Đạo sư tiếp dẫn vãng sinh Cực Lạc.

Nam mô Cứu Khổ Cứu Nạn Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát.

Nam mô Đại Hùng Đại Lực Đại Thế Chí Bồ Tát.

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.

PHẨM THỨ MƯỜI
NIỆM PHẬT
PHẢI DỰ BỊ LÚC LÂM CHUNG

Thật ra chữ Chết nguyên là giả danh, vì chẳng qua chết chỉ là sự kết liễu của một thời kỳ quả báo, do nghiệp cảm liên chuyển giữa mỗi đời, khi xả bỏ xác thân này lại thọ nhận xác thân khác mà thôi. Những kẻ không biết Chính Pháp thì vẫn đành để cho nghiệp lực xoay vần, và còn những người đã nghe pháp môn Niệm Phật của Như Lai thì phải Tín, Nguyện, Trì niệm, dự bị tư lương để khi lâm chung được vắng sinh an thuận. Như thế mới mong sớm thoát khỏi nỗi khổ sống chết luân hồi, chững vào cảnh chân lạc của Niết Bàn thường trụ.

Lại chẳng nên vì riêng bản thân mình, mà đối với cha mẹ, anh em bằng hữu nên phát lòng hiếu thuận từ bi mà khuyên cho cùng niệm Phật và trợ niệm trong khi bệnh nặng cũng như lúc lâm chung.

1. D B V NGO I DUYÊN

Người niệm Phật khi còn khỏe mạnh, phải tìm kết giao những bạn đồng học đồng tu, nhất là

kẻ ở gần mình, cùng chung một pháp môn Niệm Phật, để có thể trợ niệm cho nhau lúc lâm chung.

Bởi chúng sinh phần nhiều nghiệp nặng, cho nên đường tu tuy đã gắng hết sức mình, nhưng lúc lâm chung có thể bị nghiệp chướng của quá khứ phát hiện, lại thân thể yếu kém, tâm thức hôn mê, khó mà giữ vững chính niệm. Nếu không nhờ người khác hỗ trợ tất dễ bị tùy theo nghiệp lực mà lưu chuyển sinh tử, như vậy công tu một đời há luống uổng hay sao? *Đây là điểm cần yếu thứ nhất.*

Người niệm Phật khi thấy mình suy yếu thì nên đem hậu sự dặn dò trước, để khi lâm chung khỏi bận tâm và cũng nên sắp đặt các việc tài sản ruộng vườn cho con cháu, và dạy con cháu không được khóc lóc hoặc lộ nét bi sầu, nếu có thương thì nên bình tĩnh mà niệm Phật giúp vào. *Đây là điểm cần yếu thứ hai.*

2. D B V TINH TH N

Trên đường hành trì pháp môn này, người niệm Phật phải có tinh thần giải thoát, nên quán

sát từ tiền bạc ruộng vườn cho đến thân tình quyến thuộc đều là duyên giả hợp, *sống tùy cảnh huyễn, chết rũ sạch không*. Nếu chẳng thấu đạt lẽ này thì vướng vào tâm niệm tham luyến, vừa ngăn trở sự giải thoát, vừa khiến hành giả đọa làm loài bàng sinh để giữ nhà, giữ cửa. Có kẻ vì nuôi tiếc tiền của và tình cảm, mà không yên tâm nhắm mắt chừ đờng hòng bàn đến việc vãng sinh. Cho nên, người niệm Phật hàng ngày phải tĩnh tâm quán xét chính bản thân và cố dứt lòng tham, chặt lia gốc ái dục mà quyết chí hướng về cõi Phật để khi lâm chung khỏi bị sức nghiệp ngăn trở và cuốn lôi.

Người niệm Phật gặp khi lâm chung thường phát khởi những điều nghi ngờ làm chướng ngại cho sự vãng sinh cho nên lúc bình thường phải luôn luôn củng cố đức tin bằng ba điểm cốt tủy sau đây:

Thứ nhất là nghiệp chướng dù nặng công tu dù ít, vẫn được vãng sinh.

Đệ tử chúng con hằng ghi khắc sâu lời thệ nguyện của Phật A Mi Đà rằng: “*Chúng sinh nào*

chí tâm muốn về Cực Lạc thì niệm danh hiệu Ngài cho đến mười niệm, nếu không được vãng sinh, Ngài thề không thành Phật”.

Mà Phật thì không bao giờ nói dối, vậy người niệm Phật phải tin nơi đức Từ Tôn. Mười niệm là thời gian công phu rất ít mà còn được vãng sinh, huống chi mình niệm nhiều hơn số đó.

Lại nữa, dầu có kẻ nghiệp nặng đến đâu như phá giới phạm trai hoặc tạo đủ các điều ác, nếu chí tâm sám hối và nương và bản nguyện của A Mi Đà thì Ngài đều tiếp dẫn.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ dạy rằng: “Kẻ tạo tội nặng ngũ nghịch thập ác mà khi lâm chung chí tâm niệm mười niệm đều được vãng sinh”.

Trong cuốn sách “Vãng Sinh Truyện” có ghi lại trường hợp Trương Thiện Hoà, Hùng Tuấn, Duy Cung, trọn đời giết trâu bò, phá giới, làm ác khi lâm chung có tướng xấu của địa ngục hiện ra, bèn sợ hãi niệm Phật, liền thấy Phật đến rước. Cho đến loài chim sáo, chim két, chim anh vũ mà

niệm Phật cũng được vãng sinh, hưởng chi mình chưa phải là tệ hại đến mức đó.

Thứ hai là ước nguyện chưa hoàn thành và tham sân si chưa dứt trừ vẫn được vãng sinh.

Ước nguyện của hành giả đại khái có hai phần, đó là Đạo và Đời.

Về mặt Đạo, có người nguyện cắt chùa, bỏ thí, hoặc tụng kinh chú một số bao nhiêu, nhưng làm chưa tròn mà đã đến giờ chết. Phải nghĩ rằng chỉ tín tâm niệm Phật là điều hệ trọng nhất, rồi khi được vãng sinh và chứng đạo quả, sẽ làm vô lượng công đức, còn nguyện ước của kiếp này chỉ là việc nhỏ, làm xong hay chưa, không mấy quan hệ và chẳng có hại chi cả?

Về mặt Đời, hoặc có người vì bổn phận gia đình chưa tròn, như cha mẹ già suy không ai chăm sóc, hoặc vợ con thơ dại thiếu chỗ tựa nương, hoặc thiếu nợ kẻ khác chưa trả kịp, tâm nguyện chưa vẹn nên lòng chẳng yên. Phải nghĩ rằng lúc ta sắp chết thì dù có lo hay không cũng chẳng làm được, chi bằng chuyên tâm mà niệm

Phật, khi được vãng sinh Tây Phương, rồi đắc đạo quả sẽ trở lại chốn Sa Bà này, thì lúc ấy bao nhiêu ước nguyện đều có thể hoàn tất, bao nhiêu nợ nần đều được đáp trả tất cả kẻ thù người thân đều có thể được mình cứu độ.

Na Tiên Tử Khiêu Kinh dạy rằng: “Ví như hạt cát nhẹ nhưng bỏ xuống nước liền chìm chìm. Trái lại, tảng đá dù nặng và to nhưng nếu được chở trên chiếc thuyền thì có thể đem từ chỗ này sang chỗ khác. Người niệm Phật cũng thế, dù nghiệp của mình rất nặng, nếu không được Phật cứu độ thì chắc chắn vẫn bị luân hồi. Còn nếu tội chướng dẫu nặng nề đến bao nhiêu nhưng được Phật tiếp dẫn thì đương nhiên được sinh về cõi Cực Lạc”.

Theo lời dạy ấy trong kinh, đệ tử chúng con thấy môn Niệm Phật là *Pháp đỏi nghiệp mà vãng sinh* đó là vì nhờ Phật lực. Tảng đá lớn ví cho sức nghiệp nặng to, còn chiếc thuyền ví cho bản nguyện của Phật. Vậy người tu đừng nghĩ rằng mình còn tham sân si e không được vãng sinh, mà phải nghĩ rằng với năng lực siêu việt nhân

quả của Phật A Mi Đà thì trên thế gian này, không có điều gì mà Ngài không thực hiện được. Với lòng tin tuyệt đối vào lời Phật dạy, thì trên thế gian này không có điều gì mà chúng con không làm được.

Thứ ba Niệm Phật thì được Phật hiện thân đón rước.

Người niệm Phật tùy theo công đức mình mà khi lâm chung sẽ được thấy Phật hoặc Bồ Tát hoặc Thánh chúng đến rước. Hoặc có khi không thấy chi cả, mà nhờ sức nguyện của mình và Phật lực âm thầm nhiếp thọ mà thần thức tự bay về Tây Phương. Đây là bởi công hạnh trì danh của mình có cao thấp, có sâu cạn. Chỉ cần yếu lúc đó thì phải chí tâm niệm Phật đừng suy nghĩ một điều gì khác cả. Nếu nghi ngờ sẽ tự sinh ra chướng ngại. Tóm lại khi lâm chung dù thấy tướng tốt hay không cũng đừng quản đến, chỉ dốc lòng niệm Phật cho đến giây phút cuối cùng.

KHAI TH LÚC LÂM CHUNG

Người niệm Phật khi bệnh chưa nặng vẫn nên uống thuốc, nhưng vẫn tinh tấn niệm Phật, chớ nghĩ tưởng rằng, uống thuốc rồi sẽ lành bệnh. *Lúc bệnh nặng có thể không nên dùng thuốc.*

Hoàng Nhất Đại sư khi đau nặng có kẻ thừa đề xin rước thầy hốt thuốc. Ngài liền từ tạ và nói kệ rằng:

*Đức Phật A Mi Đà
Là vô thượng Y Vương
Nếu bỏ đây không cầu
Ấy là kẻ si cuồng!
Một câu hồng danh Phật
Là thuốc diệu Già Đà
Nếu bỏ đây không uống
Thật lắm to lắm mà!*

Rồi Ngài chỉ chuyên tâm niệm Phật quả nhiên cũng lần lần thuyên giảm.

Nên nhớ rằng khi bệnh đã nặng thì người niệm Phật phải buông bỏ tất cả mọi việc xung quanh ngay cả chính thân tâm mình, mà chỉ chuyên nhất niệm Phật, một lòng cầu mong vãng sinh Tây Phương. Làm được như thế, nếu thọ mạng đã hết thì quyết định vãng sinh. Như thọ mạng chưa dứt thì tuy cầu vãng sinh mà trở lại mau lành bệnh, do vì lòng mình chuyên thành nên đã trừ diệt nghiệp ác đời trước.

Trái lại, nếu chẳng buông bỏ mọi duyên và cứ để cho lòng rối loạn, như thọ số đã hết quyết không được vãng sinh vì mình chỉ chuyên cầu lành bệnh chứ không cầu về với Phật, nên làm sao mà vãng sinh cho được? Nếu thọ mạng chưa dứt thì chẳng những bệnh không thuyên giảm mà bệnh lại tăng thêm vì mình nhân cầu lành bệnh, vọng sinh lòng buồn lo, sợ hãi.

Lúc bệnh nhân đã suy yếu lắm, nếu thần thức còn thành tỉnh, thì người nhà nên thỉnh bậc tri thức đến thuyết pháp khai ngộ cho. Nếu không có thì nên mời một vị bạn đồng tu đến an ủi và khai thị theo các chi tiết sau:

TH NH T:

Nói cảnh khổ ở Sa Bà, diễn tả cảnh vui ở Cực Lạc, lại nên đem việc lành kê rõ ra và khen ngợi, khiến cho người bệnh sinh lòng vui mừng không còn nghi ngại, tự biết mình sẽ nương nơi nghiệp lành ấy mà sinh về Tây Phương.

TH HAI:

Nếu bệnh nhân có điều gì nghi ngờ thì nên giải thích bằng ba điểm cốt tủy đã nêu trên.

TH BA:

Vị khai đạo phải can ngăn không cho thân nhân hỏi han về di chúc, không cho nói chuyện tạp vô ích khiến bệnh nhân động niệm tình ái, quuyến luyến thế gian.

TH T :

Không cho bà con thân hữu đến trước bệnh nhân mà hỏi han tỏ vẻ buồn thảm mẩn tiếc. Nếu vì cảm tình và đến thì khuyên họ vì bệnh nhân, chấp tay niệm Phật ra tiếng một hồi, đó mới thật là có lòng thương mẩn.

TH N M:

Nên khuyên bệnh nhân đem y phục, vật dụng và cả tiền bạc của mình mà tặng cho kẻ khác. Hoặ đem các thứ ấy mà cúng dường kinh, tượng Phật thì càng hay.

Điều này cũng giúp cho người bệnh tăng thêm phúc lạc và tiêu trừ tội chướng, được dễ dàng hơn trong việc vãng sinh như trong kinh Địa Tạng đã chỉ dạy.

---o0o---

CÁCH TH C TR NI M

Người bệnh từ khi đau nặng cho đến khi sắp tắt hơi, thì thân nhân phải bình tĩnh không được khóc lóc và không được lộ nét bi ai, sầu thảm. Bởi vì lúc này chính là lúc bệnh nhân đang đi đến ngã rẽ phân chia quở người phàm thánh. Sự khẩn yếu nguy hiểm khác thường, như ngàn cân treo trước sợi tóc. *Chỉ nhất tâm niệm Phật giúp vào là điều quan trọng nhất.* Có người tuy có chí nguyện vãng sinh, mà bị quyền thuộc thương khóc, làm khơi động ý niệm tình ái, kết cuộc

phải bị đọa lạc luân hồi, công tu một đời đành luống uổng.

Người sắp chết thường đau nhức cơ thể, nên chớ ép buộc tắm rửa hoặc thay đổi áo quần làm nhiều loạn chính niệm. Đôi khi bệnh nhân có thể sinh về cõi lành, nhưng bị thân nhân xúc chạm thân thể và sửa đổi tay chân, làm thêm đau đớn nên sinh lòng tức giận. Do ý niệm này, liền đọa vào đường ác làm rồng, rắn, cạp, beo hoặc các loài thú dữ khác.

Có người dù hàng ngày luôn luôn niệm Phật, *nhưng nếu không nhờ sức trợ niệm thì cũng khó nhất tâm để vắng sinh*. Cách thức trợ niệm phải theo các chi tiết sau:

Một là: Thỉnh tượng Phật A Mi Đà tiếp dẫn, đặt ngay trước mặt bệnh nhân, để cho họ trông thấy. Cắm một bình hoa tươi, đốt một lò hương nhẹ để dẫn khởi chính niệm, nên nhớ chỉ có khói nhẹ mà thôi, đừng để khói nhiều vì e ngọt ngào khó thở.

Hai là: Người trợ niệm tùy theo nhiều hay ít, nên luân phiên mà niệm. Ít thì mỗi lượt có thể hai

hoặc ba người, nhiều thì mỗi lượt có thể sáu bảy người. Nên nhớ bệnh nhân rất cần thanh khí, do đó chớ cho vào quá đông người, lại phải nhìn đồng hồ mà im lặng luân chuyển cho nhau, cốt sao cho câu niệm Phật tiếp tục không gián đoạn.

Ba là: Niệm bốn chữ hay sáu chữ phải tùy theo tập quán của bệnh nhân, và tiếng niệm phải đừng quá cao, đừng quá thấp, đừng quá nhanh, đừng quá chậm, mỗi chữ mỗi câu đều rành rẽ rõ ràng, khiến cho câu hồng danh lọt qua tai đi sâu vào tâm thức của người bệnh, như thế mới đắc lực. Khi bệnh nhân quá hôn trầm thì phải kê miệng sát vào tai họ mà niệm, mới có thể khiến cho họ minh tâm.

Bốn là: Nên niệm suông là thỏa đáng hơn cả, hoặc nếu có dùng âm thanh thì nên dùng chuông mõ lớn, khiến cho người bệnh sinh tâm nghiêm kính. Tuy nhiên điều này phải hỏi trước bệnh nhân, nếu có điều chi không hợp thì nên tùy cơ nghi mà cải biến, chớ nên cố chấp.

CÁCH THỰC TRUY TIỀN

Người mới tắt thở, điều thiết yếu là không nên vội di động, không nên vội lau rửa, phải đợi qua *tám giờ đồng hồ* mới nên tắm rửa và thay đổi y phục. Trước và sau khi chết, người thân cũng không được khóc lóc, chỉ nên gắng sức niệm Phật, mới thật sự có ích lợi cho vong nhân. Nếu muốn khóc lóc, phải đợi *tám giờ sau*. Vì bệnh nhân tuy tắt hơi nhưng thức A lại da còn chưa đi hẳn, nếu lúc ấy làm lay động hoặc kêu khóc, họ vẫn còn cảm giác đau đớn hoặc sinh ý niệm buồn giận, lưu luyến, mà phải sa đọa.

Điều này rất quan hệ và cần thiết nên phải để ý ghi nhớ cho kỹ.

Sau khi bệnh nhân tắt hơi, thì thân nhân vẫn phải tiếp tục *niệm Phật cho đến tám giờ sau*, để sự vắng sinh có phần bảo đảm. Nên đóng cửa phòng lại, canh chừng loài chó mèo hoặc những kẻ không am hiểu đến đổ xô vào xúc phạm. Ngoài ra *đều cấm tuyệt không nên làm điều chi khác, vì trong khoảng thời gian này, người chết vẫn còn cảm giác.*

Tám giờ sau, nếu tay chân người chết đã cứng thì nên dùng vải thấm nước nóng bao quanh khớp xương, một lát thì có thể sửa tay chân co duỗi như thường.

Trong đám tang của người quá cố thì thân nhân nên làm đơn giản, đừng quá rườm rà mà tốn kém vô ích. Điều cần thiết là nên dùng đồ chay và chớ có sát sinh để chiêu đãi khách và cúng tế. *Nếu không thì người quá cố sẽ bị oán đối, khó được giải thoát, dù được vãng sinh, thì phẩm sen cũng vì đó mà bị giảm thấp.*

Khi làm Phật sự để truy tiến cho người quá cố thì thân nhân nên đem công đức ấy mà hồi hướng khắp chúng sinh trong pháp giới. Như thế, công đức ấy sẽ càng thêm rộng lớn, mà sự phúc lợi cũng vì đó mà tăng thêm rất nhiều.

Bởi vì buổi lâm chung chính là lúc quan trọng nhất trong cuộc đời, nếu không chuẩn bị trước các món tư lương cho đầy đủ, thì đến chừng ấy ắt phải kinh hoàng bối rối, kêu cầu không kịp và *nghiệp ác trong nhiều kiếp đồng loạt hiện ra, làm sao giải thoát?*

Cho nên, tuy lúc lâm chung phải nhờ đến kẻ khác trợ niệm, nhưng chính mình lúc bình nhật phải cố gắng tu trì, chừng ấy mới được tự tại, nên chúng con xin dự bị ngay từ bây giờ.

Như vậy, đệ tử chúng con cảm nhận ơn lành cao cả của đức Từ Phụ A Mi Đà, được sự hộ trì của mười phương chư Phật, được sự dạy dỗ chu đáo của đức Bản Sư Thích Ca Mâu Ni, được sự nhắc nhở và dìu dắt của các bậc Thiện tri thức, cho nên ngày nay mới biết rằng *Niệm Phật phải dự bị lúc lâm chung*, để cuối cùng được dễ dàng vãng sinh về tham dự hải hội Liên Trì, để khỏi phụ ơn cứu độ và giáo dục của chư Phật, cũng như khỏi mắc vào cái lỗi *phụ rẫy cả chính mình*.

Đệ tử chúng con vẫn thấy rằng biển khổ dễ chìm, mà dễ chìm là cứ trôi hoài trôi mãi, và đường tu thì khó bước mà mỗi bước là gặp biết bao chông gai thử thách.

Trong kinh Tứ Thập Nhị Chương đức Phật dạy: “*Nhân sinh có hai mươi việc khó*:

*Nghèo khổ mà bố thí nôi, là khó
Giàu sang mà học đạo được, là khó
Xả thân quyết chết, là khó
Xem được kinh Phật là khó
Nhìn sắc lìa dục là khó
Sinh gặp đức Phật ra đời là khó
Thấy tốt mà không cầu là khó
Bị nhục mà chẳng giận là khó
Có thể lực mà không ỷ lại là khó
Gặp việc đời mà cư xử vô tâm là khó
Học rộng nghiên tâm nhiều là khó
Trừ bỏ ngã mạn là khó
Không khinh kẻ chưa học là khó
Tâm hành bình đẳng là khó
Chẳng nói việc thị phi là khó
Được gặp Thiện tri thức là khó
Thấy Tính để học Đạo là khó
Tùy duyên mà hóa độ kẻ khác là khó*

*Đối cảnh mà không động tâm là khó
Khéo biết dùng phương tiện là khó”.*

Quả thật như vậy, sinh gặp đời có Phật là khó, vì sao? Vì được thấy Phật nghe Pháp và y theo lời dạy mà phụng hành *thì phải là người có nhiều căn lành, phúc đức, nhân duyên*. Nay Như Lai đã diệt, các bậc Thiện tri thức hiện ra hoằng dương Phật pháp, nếu được thân cận nghe lời khuyên dạy thì cũng được giải thoát.

Nhưng kẻ căn lành sơ bạc thì gặp Thiện tri thức cũng là khó khăn. Dù có duyên lành được thấy mặt nghe Pháp nhưng *nếu không hiểu nghĩa lý hoặc chấp hình thức bên ngoài mà không chịu tin theo* thì cũng đều vô ích.

Theo kinh Hoa Nghiêm, muốn tìm cầu Thiện tri thức thì đừng nên cầu nệ theo hình tướng bên ngoài, như chấp kẻ ấy trẻ tuổi, nghèo nàn, địa vị thấp, hoặc dòng dõi hạ tiện, tướng mạo xấu xa, các căn chẳng đủ, *mà chỉ cầu người thông hiểu Phật pháp để có thể làm lợi ích cho mình*. Lại đối với bậc Thiện tri thức thì chớ nên

tìm cầu sự lỗi lầm, bởi vì đó có khi vì mật hạnh tu hành, vì phương tiện hóa độ, hoặc đạo lực cao nhưng tập khí còn chưa dứt. Nên mới có các hành động sai trái như vậy. *Nếu cứ chấp nề hình thức hay tìm cầu lỗi lầm thì tất không được lợi ích trên đường Đạo.*

Cho nên, nhìn tìm bậc Thiện tri thức là khó đến như thế!

Tuy nhiên, cái khó và cái dễ chỉ là pháp đối đãi vì trong khó có dễ và trong dễ có khó. Nếu nhận hiểu và quyết tâm thì các việc khó đến mấy cũng vẫn có thể thành tựu.

Thân người khó được, Phật pháp khó nghe, nay nhờ sự gia bị của ơn Tam Bảo mà chúng con có được thân người. Nay nhờ duyên lành mà chúng con được đón nhận sự giáo hóa của đức Bản Sư, nay nhờ Từ Bi lực của Phật A Mi Đà mà chúng con đã đặt trọn vẹn lòng tin vào bản nguyện cứu độ của Ngài, nay nhờ sức sách tấn của chư vị Thiện tri thức mà chúng con được đọc tụng cuốn sách này, tức là đã gặp được pháp thành Phật màu nhiệm, dễ dàng và rất ráo.

Ngưỡng nguyện mười phương Tam Bảo, chư vị đại Bồ Tát, cùng liệt vị Hộ Pháp Thiên Thần, đem năng lực bản nguyện, năng lực trí tuệ, năng lực thần thông, năng lực diệt sạch tội chướng mà ban thêm cho chúng con nhiều sức mạnh cùng trí sáng suốt để dù gặp phải hoàn cảnh khó khăn vẫn nhận rõ duyên đời khổ mộng, quyết chí niệm Phật, trường trai giữ giới, khiến cho hoa sen báu bên trời Tây được nở thêm những hàng thượng thiện.

Với tấm lòng tri ân, đệ tử chúng con xin đem cả tính mạng mà quy y và đảnh lễ:

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam mô Cực Lạc Giáo Chủ Đại Từ Đại Bi A Mi Đà Phật.

Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát.

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.

Nam mô Lư Sơn đạo tràng, khai sáng Niệm Phật pháp môn, sơ tổ Huệ Viễn Đại sư Bồ Tát.

*Nam mô Quang Minh đạo tràng hồng
dương Niệm Phật pháp môn Nhị tổ Thiện Đạo
Đại sư Bồ Tát.*

*Nam mô Hộ Pháp Chư Tôn Bồ Tát, liệt vị
Thiện Thần Bồ Tát Ma Ha Tát*

MẤY LỜI TÂM HUYẾT

Thuyết Pháp giảng kinh, viết sách giáo lý nhà Phật hoặc in kinh sách đem phát cho mọi người xem để họ sớm giác ngộ, được như thế hạnh phúc không gì bằng, đó gọi là Pháp thí.

Nếu không đủ điều kiện làm những việc ấy, chúng ta thỉnh một số kinh sách chịu khó đem đến từng nhà cho mượn đọc, sau đó lần lượt cho nhà khác mượn, hoặc đọc cho phòng khác nghe, nhất là cho người không biết chữ. Việc làm này quý giá vô biên, đây cũng gọi là Pháp thí.

Chính đức Phật đã dạy: “Trong các sự bố thí, Pháp thí có công đức lớn nhất, không công đức nào có thể sánh bằng”.

Tương về lợi cũng như về danh, chúng ta đừng nên lo nghĩ, mà điều tối cần là làm sao cho rạng rỡ Chính Đạo. Đó là mục đích chính, thiêng liêng và cao cả nhất của chúng ta. Nền móng đạo pháp cần nhờ sự chung lưng góp sức của chúng ta. Vậy mỗi người nên xây đắp vào đó một ít vôi, một ít nước, một tảng đá hay một viên gạch...

ngõ hầu cái nền móng ấy được thêm bền vững và kiên cố đời đời.

Chúng ta không nên quan niệm về công đức, hãy nên nghĩ nhiều đến những người lầm đường lạc lối, sống trong vòng tội lỗi không lối thoát xung quanh chúng ta. Hãy mau cứu vớt họ, cảnh tỉnh họ để cùng quay về chân lý, giúp họ tìm ra nhiều lẽ sống, niềm vui. Được thế, chính ta đã làm lợi ích cho Phật pháp vậy.

Với hoài bão cuộc đời, chúng ta hãy “Tất cả vì Phật pháp”. Hi vọng mấy lời tâm huyết này được nhiều vị hảo tâm in kinh sách cho mọi người xem!

Được vậy, niềm phúc lạc vô bờ chắc chắn sẽ đến với chúng ta! Tha thiết mong mọi như thế!

Tặng cho thân nhân một số tiền nhỏ, lòng mình không vui, nhưng mình không đủ sức tặng nhiều hơn nữa. Chỉ có một cách là tặng các loại sách tu hành để xây dựng cho đời sống thanh cao, thì dù một quyển sách giá chỉ vài nghìn nhưng vẫn quý hơn tiền trăm bạc triệu.

MỤC LỤC

1. Đỉnh lễ.....	3
2. Phẩm thứ nhất: Niệm Phật phải vì thoát sinh tử luân hồi.....	5
3. Phẩm thứ hai: Niệm Phật phải phát tâm vô thượng bồ Đề.....	18
4. Phẩm thứ ba: Niệm Phật phải Đặt trọn lòng tin vào lời Phật dạy.....	34
5. Phẩm thứ tư: Niệm Phật phải phát nguyện vãng sinh cực lạc.....	42
6. Phẩm thứ năm: Niệm Phật phải hành trì cho thiết thực.....	49
7. Phẩm thứ sáu: Niệm Phật phải dứt trừ phiền não.....	56
8. Phẩm thứ bảy: Niệm Phật phải thực chứng bằng kinh nghiệm của bản thân.....	70
9. Phẩm thứ tám: Niệm Phật phải bền lâu không gián đoạn.....	80
10. Phẩm thứ chín: Niệm Phật phải an nhẫn các chướng duyên.....	86
11. Phẩm thứ mười: Niệm Phật phải dự bị lúc lâm chung.....	98
12. Mấy lời tâm huyết.....	119

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

A2 - 261 THỤY KHUÊ - QUẬN TÂY HỒ - HÀ NỘI

TEL: 04.39260024 – FAX: 04.39260031

Chủ trì, chịu nhiệm vụ xuất bản

Giám đốc

Bùi Việt Bắc

Chủ trì, chịu nhiệm vụ nội dung

Tổng biên tập

Lý Bá Toàn

Biên tập:

Nguyễn Thế Vinh

In 1000 cuốn, khổ 13x19 cm. Tại Công ty CP In và TM HTC.

Số ĐKKHXB: 2059 - 2014/CXB/15 - 60/HĐ.

Số QĐXB: 1766 - 2014/QĐ - HĐ.

In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2014.

Mã số sách chuẩn quốc tế - ISBN: 978-604-86-2979-3

